

Chương 5

ĐẠI GIA ĐÌNH NGHỆ SĨ NĂM PHỈ - BẢY NAM – KIM CƯỜNG

Cô **Năm Phỉ** tên thật là Lê Thị Phỉ sinh năm 1906, mất năm 1954, sinh quán tại Mỹ



Tho, con gái thứ năm của một gia đình trung lưu. Cha mẹ cô có tất cả 12 người con, đặt tên theo thứ tự sau đây: Công, Thành, Danh, Toại, Phỉ, Chí, Nam, Nhi, Bia, Truyền, Tạc, Để .

Bốn người con gái đều là những nữ nghệ sĩ tài danh trên sân khấu cải lương:

Năm Phỉ, Bảy Nam, Chín Bia, Mười Truyền.

Hai người con trai cũng theo nghề sân khấu nhưng không thành công nhiều: Tám Nhi, kép độc trong đoàn cải lương Nam Phong do Chín Bia làm bầu. Cậu Út Để có vợ là nữ

nghệ sĩ Kim Hoàng, một thời nổi danh đào đẹp trên sân khấu Nam Phong, Hương Hoa. Về sau, Út Để và Kim Hoàng ly dị nhau. Kim Hoàng kết hợp với nữ thể thao gia Như Mai thành một đôi tài nữ đặc biệt của giới sân khấu cải lương: Kim Hoàng - Như Mai .

Khi tỉnh Mỹ Tho và các làng Tân Hiệp, Tân Hương, Vĩnh Kim có phong trào đồn ca tài tử Ca Ra Bộ, (1917 - 1918) cô Năm Phỉ đã nổi danh có giọng ca thiên phú và lối ca cổ nhạc xuất sắc, không thua tài của nữ danh ca đương thời được ưa thích nhất là cô Ba Đắc.

Trong thời điểm này, trên cơ sở bài bản của ca nhạc tài tử, gánh hát Thầy Năm Tú ra đời. Trên sân diễn, cảnh trí được bày vẽ, có phong màn như kịch của nhà Hát Tây. Đào, kép diễn theo kịch bản, tuồng tích hắc hoi, phục trang đẹp mắt, lối trình diễn khác hẳn hát bội thịnh hành đương thời. Gánh Hát Thầy Năm Tú được đông đảo khán giả ái mộ, hát lúc nào cũng đông nghẹt rạp. Do đó, nhiều người giàu có bỏ tiền ra lập gánh hát. Ở tỉnh Mỹ Tho có gánh hát Đồng Bào Nam của cô Tư Sự; Gánh Nam Đồng Ban của ông Hai Cu, chủ tiệm vàng, ở Sóc Trăng có gánh Tân Phước Nam của thầy thuốc Minh làm chủ. ở Long Xuyên có Sĩ Đồng Ban của ông Lê Quang Sô; Vĩnh Long có Kỳ Lân Ban của Bà Huyện Xây; Thốt Nốt có Tập Ích Ban của ông Vương Có (chủ hãng rượu Vương Hiệp); ở Chợ Lớn có Văn Hí Ban của ông Huỳnh Kim Vui.

Ông Hai Cu, Bầu gánh Nam Đồng Ban mời cô Năm Phỉ về đóng vai đào chánh, con trai của ông là kép Hai Giỏi đóng vai kép chánh. Hai Giỏi và Năm Phỉ là cặp đào kép ăn khách nhất, có thể nói là hơn một bậc so với hai tài danh Năm Châu - Phùng Há lúc

bấy giờ. Trên đây là lời nhận xét của Ông Hai Tiền, một nghệ sĩ tiền phong, đồng thời với các nghệ sĩ tài danh Năm Châu, Phùng Há, Năm Phỉ, Hai Giỏi.

Năm 1955, khi tôi giúp việc cho gánh hát Kim Thoa của Bầu Khai - Nguyễn Huỳnh Phước, tôi có dịp sống chung với ông Hai Tiền, kếp lão thành kiêm phụ trách sân khấu Kim Thoa (hồi đó, nhiệm vụ phụ trách Sân Khấu giống như công tác đạo diễn ngày nay). Ông Hai Tiền thích uống trà đậm, ưa rượu đế nên tôi thường đi Chợ Lớn kiếm trà ngon và đến Gò Đen mua rượu đế nấp hảo hạn về biếu ông để ông nhâm nhi, ông cao hứng kể chuyện đào kếp gánh hát thời xưa cho chúng tôi nghe.

Kếp Hai Giỏi là con của ông Hai Cu, bầu gánh Nam Đồng Ban. Hai Giỏi có dáng người nho nhã, môi son đỏ thắm, đẹp trai lại ca hay nổi tiếng . Theo lời ông Hai Tiền, anh Hai Giỏi là bậc thầy trong nghề ca. Anh Hai Giỏi là người chồng đầu tiên của cô Năm Phỉ. Khán giả mê nhất anh Hai Giỏi trong vai Trần Trung Nghĩa tuồng Tham Phú Phụ Bần. Một hôm diễn tuồng Tham Phú Phụ Bần, anh Hai Giỏi đau nặng không diễn được. Khán giả la ó phản đối, phải khiêng anh Hai Giỏi ra sân khấu cho khán giả thấy là anh đau nặng thật, không thể hát, khán giả mới chịu êm. Tiếc là danh ca Hai Giỏi tài hoa mệnh yếu, anh mất đi giữa lúc tuổi trẻ và sự nghiệp đang chói rạng. Năm 1924, quá đau buồn vì cái chết của con (Hai Giỏi) ông Hai Cu cho giải tán gánh hát Nam Đồng Ban.

Sau khi Hai Giỏi mất, gánh Nam Đồng Ban tan rã, cô Năm Phỉ được ông Bầu **Nguyễn Phước Cường** mời về đóng vai đào chánh trong **Đại Ban Phước Cường** năm 1925. Cô Năm Phỉ là một thiên tài, một tấm gương sáng trong việc rèn luyện và sáng tạo. Nên biết là gia đình cô phong kiến, trọng nam, khinh nữ nên các cô con gái đều không được



Bằng lưu niệm, Nhà nước Pháp trao tặng cho nữ nghệ sĩ thiên tài Lê Thị Phỉ tức Năm Phỉ tại Paris (1931).

cho học chữ. Khi cô Năm Phỉ theo gánh hát, cô không biết đọc, không biết viết . Mỗi lần học tuồng mới đều nhờ người ta đọc trước, cô đọc theo và học thuộc lòng sau năm ba lần đọc tuồng như vậy . Khi cô đã thuộc, cô sắp chữ ca, cách nói đúng dấu chấm, phéch, đúng như ý tác giả muốn biểu hiện. Cô nghiên ngẫm câu văn, nghiên cứu tính cách nhân vật nên khi đóng vai nữ sang giàu thì cách nói năng của cô mang dáng dấp rất đài các, phong lưu. Khi đóng vai nữ bần hàn thì

cô phát âm y hệt người dân nghèo, kém học, quê mùa. Cô Năm Phỉ đã nổi danh từ thập kỷ 30, đã từng sang Paris diễn vở “ *Xử án Báng Quý Phi* “ với nghệ sĩ Bảy Nhiêu (Huỳnh năng Nhiêu) và đã được báo chí Pháp ca ngợi Theo tài liệu của nghệ sĩ kiêm giáo sư kịch nghệ Duy Lân để tại trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài gòn, bản chụp bài viết trên trang báo Pháp Intransigeant như sau:

“ *Tôi thấy ở trường đấu xảo thuộc địa, có một nữ nghệ sĩ An Nam mà nghệ thuật không thua bất kỳ một nữ nghệ sĩ nào của ta* “

Báo Comédien nhận định:

Người nữ diễn viên tài ba này muốn dẫn chúng ta đi đâu cũng được.

Bản phóng ảnh bằng lưu niệm của nhà nước Pháp trao tặng cho nghệ sĩ thiên tài Lê Thị Phỉ tức Năm Phỉ tại Paris năm 1931:

République Francaise - Ministère des Colonies - Exposition Coloniale Internationale - Paris 1931 - Diplôme Commémoratif - Madame Lê Thị Phỉ, Première Artiste de la troupe théâtrale de Cochinchine - Indochine. (Bằng kỷ niệm tặng cho bà Lê Thị Phỉ, đệ nhất tài danh của đoàn nghệ thuật Nam Kỳ - Đông Dương).

Cô Năm Phỉ đã để lại trong lòng khán giả nhiều vai tuồng bất tử, từ bước đầu trên sân khấu Nam Đồng Ban với vở “ *Tham Phú Phụ Bần* “ đến những vở ở Đoàn Phước Cường của chồng sau cô là ông Nguyễn Phước Cường như: *Điều Thuyền (Phụng Nghi Đình)*, *Bàng Quý Phi (Xử án Bàng Quý Phi)*, *Cô Gái thiếu số (Đóa hoa rừng)*, *Túy Hoa (Túy Hoa Vương Nữ)*, *Thị Anh, vợ Hà Công Yên (Tứ Đổ Tường)*, *Bà Huyện (Vì Đâu Nên Nỗi)*, *Mộng Hoa (Mộng Hoa Vương)*, *Lan (Lan và Diệp)*.

Cần nói thêm về ông Nguyễn Phước Cường, một nhà trí thức, từng du học bên Pháp, về xây dựng một đoàn hát cải lương theo mô hình những đoàn hát bên Pháp. Ông là người góp phần khai sáng ra nghệ thuật sân khấu cải lương và đã đào tạo, nâng cao nghề nghiệp cho những ngôi sao sân khấu cải lương lúc ngành nghệ thuật này mới được tạo thành. Đó là những tài danh như Năm Phỉ, Sáu Ngọc Sương, Bảy Nam, Năm Nghĩa, Bảy Nhiêu, Năm Châu, Ái Liên, Thanh Tùng, Duy Lâm . . .



Cô Chín Bĩa

Bà ngoại của ông Nguyễn Phước Cường là **Bà Bầu Hộ**, chủ gánh hát bội Phước Thắng, Mẹ của ông là đào hát kiêm Bầu gánh hát bội Phước Xương (Bà Ba Ngoạn) và cũng là chủ rạp hát Palikao ở Chợ Lớn. Khi ông Nguyễn Phước Cường ở Pháp về, bà Hộ giao gánh Phước Thắng, bà Ba Ngoạn giao gánh Phước Xương cho ông trực tiếp quản lý. Hai gánh hát bội phát triển mạnh nhờ ở tài lèo lái của ông Cường, nhưng ông Cường nhận thấy tương lai sân khấu Việt Nam phải có cái gì tiến hơn loại hình hát bội. Ông mạnh dạn tập trung đào kép và lập gánh cải lương Phước Cường với cô đào chánh là Năm Phỉ. Cô Năm cũng là người vợ thương yêu của ông mà

gạch nối giữa hai người là nghệ thuật sân khấu. Theo lời kể lại của nghệ sĩ tiền phong Năm Châu, ông đã học hỏi rất nhiều ở ông Nguyễn Phước Cường nên mới mạnh dạn đề ra chủ trương một sân khấu Việt Kịch “ Thật “ và “ Đẹp “. Ông Cường đem sở học ở Pháp về kịch nghệ, hướng dẫn cho những nghệ sĩ ngôi sao của gánh ông biết phân biệt:

Hát Bội, loại hát theo phong cách Á Đông, là NGHỆ THUẬT TƯỢNG TRƯNG, LÔI CA VÀ ĐIỀU BỘ CHỦ YẾU LÀ TẢ Ý. Cải Lương gần gũi với loại KỊCH của Phương Tây, LÔI CA, ĐIỀU BỘ PHẢI CHÚ TRỌNG TẢ THỰC “.

Cô Năm Phỉ được nổi danh là một thiên tài diễn xuất, chính là nhờ ở sự đào luyện của ông.

Ông Cường đa tài nhưng cũng nhiều tật. Khi ông lèo lái hai gánh hát bội Phước Thắng và Phước Xương thì ông lấy cô Năm Nhỏ, đào hát bội trứ danh của thời bấy giờ. Người am hiểu nghệ thuật hát bội như ông Đỗ Văn Rỡ, khi viết về những tài danh hát bội, đã mạnh dạn liệt kê cô Năm Nhỏ tài giỏi hơn cô Năm Đồ, hơn cô Tư Châu, bà Năm Sadec, bà Cao Long Ngà.

Khi ông làm bầu gánh cải lương Phước Cường thì cô Năm Phỉ là vợ của ông. Năm 1936, ông lấy em cô Năm Phỉ là cô Bảy Nam, lập ra gánh Đại Phước Cường.



Bảy Nam Lữ Bố

Năm 1937, cô Năm Phỉ ra lập gánh hát riêng lấy bằng hiệu là cải lương Năm Phỉ. Năm 1940, cô Năm Phỉ hợp tác với cô Phùng Há lập gánh “ Phi - Phùng “, chuyên hát tuồng tàu. Nhưng chỉ hai năm sau, gánh Phi Phùng rã. Cô Phùng Há lập lại **gánh Phụng Hảo** và Năm Phỉ trở lại lèo lái **gánh Năm Phỉ**. Đến năm 1954, cô Năm Phỉ bị tai biến mạch máu não khi cô đang xem hát bóng tại rạp Nam Quang (đối diện với Chợ Đũi, ngã tư đường Trần Quý Cáp và Lê Văn Duyệt). Cô Mười Truyền, em cô Năm, tiếp tục sự nghiệp của chị. Đến năm 1956, cô Mười Truyền cho rã gánh Năm Phỉ, để trở về cuộc sống bình thường với chồng, con, chấm dứt hẳn con đường sự nghiệp cầm ca.

Cô BẢY NAM và cô con gái quý KỲ NỮ KIM CUÔNG TRÊN CON ĐƯỜNG TẾ SANG THOẠI KỊCH.

Bốn chị em ruột Năm Phỉ, Bảy Nam, Chín Bia, Mười Truyền đều là những nghệ sĩ tài danh của ngành sân khấu cải lương và mỗi người đều có lập gánh hát riêng của mình. Gánh Năm Phỉ giao lại cho cô Mười Truyền khi cô Năm Phỉ đột ngột qua đời. Cô Bảy Nam lập gánh Nam Hưng và Chín Bia lập gánh Nam Phong.

Chồng đầu tiên của cô Bảy Nam là ông Sáu Ngọ, vua cờ bạc có villa lớn trên đường Nguyễn Trãi, là người giàu có và quyền thế lớn nhất trong những thập niên 1920, 1930, 1940. Gánh Nam Hưng của cô Bảy Nam cũng là một gánh hát bề thế lớn không thua gì gánh Phước Cường. Cô Bảy Nam lúc đó mới 19 tuổi, vừa là đào chánh của gánh hát phải hát hàng đêm, vừa làm Bầu, phải quán xuyến mọi việc thu, chi và điều động mọi hoạt động nghệ thuật của gánh hát. Do đó không thể nào tránh được sự sơ xuất, thất thoát nên ông Sáu Ngọ lúc nào cũng phải châm tiền vô bù lỗ hoài. Cô Bảy Nam lại thích soạn tuồng để mình thủ vai chánh. Hậu quả là gánh Nam Hưng phải giải tán vào năm 1935. Cô Bảy Nam xác nhập gánh hát Nam Hưng với gánh Phước Cường, lập bằng hiệu mới là Đại Phước Cường. Thời gian này, cô Bảy Nam soạn được ba vở tuồng:” *Nỗi đau lòng mẹ* “ , “ *Trảm Trịnh Ân* “ , “ *Chung Vô Diệm* “ , cô thủ vai chánh trong các vở tuồng trên.

Khi chung sống với ông Nguyễn Ngọc Cường, cô vẫn là đào chánh, và thỉnh thoảng vẫn viết tuồng. Nghệ sĩ Duy Lân (chồng của cô Bảy Nam trong thập niên 1950) cho biết cô Bảy Nam đã soạn tất cả 20 vở tuồng.

Sau khi ông Nguyễn Ngọc Cường lấy cô Bảy Nam làm vợ thì cô Năm Phỉ rời gánh hát, nhường chồng và sự nghiệp của mình cho cô em gái, ra đi lập gánh hát khác với bảng hiệu đoàn cải lương Năm Phỉ. Cô Chín Bia, cô Mười Truyền cũng ra đi theo gánh hát Năm Phỉ.

Ông Cường và cô Bảy Nam chung sống được hai con : Nguyễn Ngọc Trai (1937) và Nguyễn Thị Kim Cương (1938).

Ngọc Trai và Kim Cương lớn lên trong gánh hát, được theo cha mẹ trên khắp các nẻo đường lưu diễn.

Ngọc Trai, dáng người mập, lùn như « hột mít », nổi danh là hề « hột mít ». Giọng nói the thé, chói tai, có duyên sân khấu. Anh đã thành công trong nhiều vai diễn tuồng Tàu ở gánh hát nhà và sau này trên sân khấu Phụng Hảo trong vở tuồng “ *Luống Cày Rướm Máu* “, “ *Phấn Hậu Cung* “, “ *Gánh Cải Trạng Nguyên* “. Năm 1950, sau cái chết của trò Ôn, Saigon có phong trào sinh viên, học sinh, nghệ sĩ vô chiến khu theo kháng chiến. Hề Ngọc Trai theo Tám Củi, Tư Xe vô khu 8. Đến nay không nghe ai nhắc đến anh còn sống hay chết, ở nơi nào. Sau 75, tôi có hỏi Kim Cương về tin tức của hề Ngọc Trai, thì nghe Kim Cương nói là anh đã chết.



Kim Cương tên thật là Nguyễn Thị Kim Cương, sanh năm 1938 tại Saigon. Có thể nói là từ khi lọt lòng mẹ cho tới khi trưởng thành, Kim Cương tai vẫn nghe tiếng nhạc lời ca, mắt thường thấy các đào kép múa hát với xiêm y mũ măng. Lên 6 tuổi Kim Cương đã được hát vai đào con trên sân khấu Đại Phước Cường.

Năm 1948, đoàn hát Đại Phước Cường lưu diễn ở miền Trung, đến Mũi Né thì ông Bầu Nguyễn Ngọc Cường bị thổ huyết vì lao phổi. Bà Bảy Nam chở ông ra nhà thương Phan Thiết, nhưng lúc ấy vì đoàn hát quá sa sút, không đủ tiền đóng tiền nhà thương nên không được nhập viện. Bà chở ông đến rạp hát Thất Ngàn của tỉnh lỵ Phan Thiết,



xin ở tạm trú bên hông rạp, nhưng ông chủ rạp sợ ông Cường chết trong rạp nên không cho ở tạm mặc dù trước đây đoàn Đại Phước Cường đã nhiều lần diễn ở rạp Thất Ngàn và đã đem lại một nguồn lợi tức không nhỏ cho ông chủ rạp hát. Một vị khán giả Mạnh Thường Quân trong phố chợ thương tình, cho chở ông Cường vô ở tạm một ngôi chùa của gia đình ông. Đêm đó, ông Cường trút hơi thở cuối cùng và được an táng trong đất chùa của vị khán giả hảo tâm đó. Mãi đến năm 1990, Kim Cương và mẹ (bà Bảy Nam) mới trở ra Phan Thiết thăm mộ của ông Nguyễn Ngọc Cường và xin bốc mộ về cải táng ở Nghĩa trang nghệ sĩ ở Gò Vấp.

Năm 1954, Kim Cương là đào chánh của gánh hát Nam Phong của dì cô là bà Chín Bia. Lực lượng nòng cốt của đoàn hát gồm có các nữ nghệ sĩ Bảy Nam, Chín Bia, Kim Cương, Kim Hoàng, Ngọc Hương, Ngọc Hoa, Xuân Lan, các nam diễn viên có Duy Lâm, Duy Chức, Hoàng Dưỡng, Thanh Phong, Thanh Hùng, Tám Nhi. Soạn giả có Giáo Út (chồng của cô Chín Bia), Duy Lâm và Tây Giang Tử.

Lúc này soạn giả Duy Lâm gá nghĩa vợ chồng với bà Bảy Nam nên Duy Lâm soạn nhiều tuồng để « lãng xê » con gái riêng của vợ. Ông viết theo kiểu đo ni đóng giày, tuồng của ông ít bài ca vọng cổ, nhiều lớp diễn nhõng nhẽo duyên dáng dành cho vai của Kim Cương đóng như những lớp tuồng giữa Điều Thuyền và Đồng Trác lớp *Nhập Trướng* hay tuồng *Giai Nhân và c Quý*, lớp c Quý vừa rước Giai nhân về lầu đài để xin cưới nàng.

Năm 1955, Hội i Hữu Nghệ Sĩ tổ chức hát Hội tại rạp Hào Huê để quyên tiền xây cất trụ sở của Hội ở số 133 đường Cô Bắc. Kim Cương thủ vai Điều Thuyền, cô Bích Thuận vai Lữ Bố và nghệ sĩ tiền phong Năm Định h, vai Đồng Trác.

Lớp Nhập Trướng tuồng Phụng Nghi Đình như sau :



Kim Chung (vai Bà Ấp Khảo), Kim Cương (vai Đắc Kỷ) trong vở Bà Ấp Khảo dạy đòn

Đ. Trác : Quân, đòi Điều mỹ nhân ứng hầu lập tức.

Đ. Thuyền : Ủa! Đâu rồi? Ngồi đó mà không thèm nói. (bước lại dấm vô bụng Đồng Trác một cái thật mạnh) Làm người ta kiếm muốn chết hè !

Đ. Trác : Trời ơi! Người ta ngồi sờ sờ đây mà nói kiếm muốn chết.

Đ. Thuyền : Thiếp ngồi gió mát hieu hieu buồn ngủ, bỗng nghe đâu ngoài cửa quân vào rằng :

Thái sư lệnh dạy đòi hầu, thiếp lật dật dâm đầu chạy riết, làm thiếp mệt muốn chết vậy đó.

Đ. Trác : Mệt rồi đánh người ta muốn bể bụng, đau muốn chết vậy hà.

Đ. Thuyền : Dữ hông! Đụng một chút xíu mà cũng đau nữa hà. Tướng công đòi thiếp vào đây có chuyện chi?

Đ. Trác : Mai đây có buổi đại châu, ta đòi ái nường đến để dấm bóp cho ở nhà.

Đ. Thuyền : Ai? Thiếp à? Coi tay bây lớn vậy mà biểu thiếp dấm bóp, ai mà dấm cho nổi, có tướng công dấm cho thiếp, thiếp nói ra đây nhờ tướng công dấm cho thiếp. Dấm chỗ này nè, dấm không? Không dấm hả? Không dấm thì thôi (dậm đi)

Đ. Trác : Người ta mệt muốn chết, kêu ra đây dấm bóp cho tui, rồi bây giờ biểu tui dấm lại . . .

Đ. Thuyền : Bây giờ dấm không? Không.... . phải hông? Không dấm, tôi đi.

Đ. Trác : Ai cơ đi đâu?

Đ. Thuyền : Hổng dấm thì tui đi kiếm người khác dấm cho tui.

Đ. Trác : Thằng nào ba đầu sáu tay cũng không dấm tới đây dấm cho ái cơ.

Đ. Thuyền : Mà tôi hỏi đám hông? Tôi đau muốn chết đây nè, . . . đám hông?

Đ. Trác : Đám, đám. . . Quân sĩ, có ai đến hỏi ông thì nói. . .

Đ. Thuyền : Ủ, phải dặn cho kỹ, quân bây nghe dặn nè, nếu có ai hỏi thì nói ông không tiếp khách. Ông mắc đám lưng cho bà, nghe không.

Đ. Trác : Trời ơi, chuyện người ta muốn dẫu mà ai cơ nói lớn quá vậy.

Đ. Thuyền : Vậy hả? Ai biết đâu nè, để tôi dặn lại. Quân bây, nghe cho kỹ. có ai hỏi thì nói ông không tiếp khách, ông mắc lo đám lưng cho bà mà ông dẫu, nghe không?

Kim Cương – Điêu Thuyền diễn lớp này rất có duyên, điệu bộ nũng nịu, giọng nói dễ thương, khiến cho khán giả xem hát hưởng ứng la to trong rạp hát, hỏi Đồng Trác chịu đám bốp cho Điêu Thuyền – Kim Cương không? Nếu không thì họ sẽ lên sân khấu đám bốp cho Điêu Thuyền.

Mấy xuất hát liên tục, Điêu Thuyền – Kim Cương vẫn được sự đồng cảm hưởng ứng của khán giả như vậy. Khi diễn kịch *Lá Sầu Riêng* hay *Dưới hai màu áo*, mỗi khi Kim Cương khóc là khán giả khóc theo. Ký giả Nguyễn Ang Ca xem Kim Cương hát nhiều lần, thấy Kim Cương diễn dạt được tình cảm của khán giả, khiến khán giả đồng cảm với nhân vật mà cô thủ diễn một cách dễ dàng nên tặng cho Kim Cương mỹ danh là Kỳ nữ. Cái tên “ *Kỳ Nữ Kim Cương* ” đi vào lịch sử sân khấu cải lương cùng lúc với các danh hiệu “ *Vua vọng cổ* ” Út Trà Ôn, *Vua vọng cổ* hài hước Văn Hường, Quái Kiệt Ba Vân, *Vua Xàng Xê* Minh Chí . . .

Kỳ nữ Kim Cương trên con đường nghệ thuật Phim ảnh :



Kỳ nữ Kim Cương chẳng những chỉ có tài trên sân khấu cải lương mà còn biểu hiện xuất sắc trên lĩnh vực kịch nói và phim ảnh. Trước hết, phải khen ngợi sự sáng suốt thức thời của Kim Cương. Cuối thập niên 1950 đến đầu thập niên 1960, Kim Cương nhận thấy rằng càng ngày khán giả càng thích những nghệ sĩ có giọng ca vàng, có kỹ thuật ca vọng cổ hay và lạ. Các ông bà Bầu gánh hát ký contract với những số tiền từ vài trăm ngàn tới bạc triệu để mời các diễn viên có giọng ca vàng như Út Trà Ôn, Hữu Phước, Thành Được, Hùng Cường, Út Bạch Lan, Ngọc Giàu, Minh Vương, Minh Cảnh, Mỹ Châu, Lệ Thủy.... . . trong khi đó thì những diễn viên diễn xuất bậc thầy nhưng kém về ca vọng cổ thì khó mà có một sân khấu nào chịu trân trọng đón mời. Nhiều nghệ sĩ tiền phong đã giải nghệ, hoặc họ nhận làm giáo sư kịch nghệ cho trường Quốc Gia âm nhạc, hoặc họ đổi nghề, mở quán bán rượu hoặc bán cà phê để kiếm sống qua ngày.

Lúc đó Kim Cương mới 18 tuổi, vẫn làm đào chánh gánh hát Nam Phong, nhưng Kim Cương biết mình không ca vọng cổ hay như các nghệ sĩ danh ca mới nổi, Kim Cương tìm một hướng đi mới, rẽ sang ngành kịch nói và phim ảnh. Có những người thương gia

người Hoa ở Chợ Lớn chung vốn với nhau thành lập một hãng phim lấy tên là hãng Việt Thanh. Họ mua máy móc, trang thiết bị mới và mời đạo diễn Ngũ Hoa, người Hồng Kông, cùng với ê kíp chuyên viên quay phim Hồng Kông qua Saigon. Truyện phim quay đầu tiên là một chuyện cổ tích *Thoại Khanh Châu Tuấn*. Hãng Việt Thanh mời các diễn viên thoại kịch nổi tiếng như Vân Hùng, Kim Cương (Ban kịch Kim Cương) và Trần Văn Trạch (Ban kịch Sầm Giang).

Trong lúc trao đổi nội dung cốt truyện phim với các nghệ sĩ Việt Nam, ông Ngũ Hoa (đạo diễn Hồng Kông) yêu cầu cô Kim Cương diễn thử một lớp bi ai. Kim Cương đang cười nói vui vẻ, nghe đạo diễn đề nghị diễn thử một tình huống buồn thì cô chuyển biến ngay tình cảm, khóc liền tại chỗ, nước mắt tuôn tràn, giọng nói tức tưởi. Ban Giám đốc hãng phim và đạo diễn đều hoan nghinh tài diễn xuất của cô. Nghệ sĩ Trần Văn Trạch được mời thủ diễn một vai tuồng và làm phụ tá cho đạo diễn Ngũ Hoa.



Hoàng Mai, Kim Cương, Năm Sadec

là những phim truyện cổ của Trung Hoa như *Lương Sơn Bá – Chúc Anh Đài*, *Thanh Xà Bạch Xà*, *Vạn Lý Tầm Phu*. . . với những ca khúc Hồ Quảng mà khán giả Việt Nam rất ưa thích.

Hãng phim Việt Thanh sản xuất thêm hai phim cổ tích Việt Nam *An Tiêm*, quả dưa đỏ và *Phạm Công Cúc Hoa* rồi ngưng hoạt động. Tuy nhiên, nên ghi nhận rằng Kim Cương mở một lối mới về hoạt động phim ảnh cho giới nghệ sĩ cải lương. Sau loạt phim của Kim Cương quay cho hãng Việt Thanh, gia đình nghệ sĩ Năm Châu cũng chuyển qua hoạt động trong lãnh vực phim ảnh. ơng Năm Châu, ông Bảy Nhiêu, Kim Cúc, Kim Lan qua Hồng Kông quay phim *Quan Âm Thị Kính*. Phim này cũng không ăn khách vì cốt truyện phim quá quen thuộc với khán giả.

Rút kinh nghiệm sự thất bại của hãng phim Việt Thanh và hãng Năm Châu, các nhà làm phim Việt Nam sau này chú trọng tìm kiếm các truyện phim có tính hấp dẫn, mới lạ và có nội dung xã hội, gần gũi với tâm tình và cảm quan của khán giả Việt Nam.

Trong ba thập niên 1960, 1970, 1980, có nhiều hãng phim Việt Nam hoạt động như Alpha phim của ông Thái Thúc Nha, Mỹ Vân Phim của ông Lưu Trạch Hưng, Trùng Dương Phim của ông Lưu Bạch Đàn, Mỹ Ảnh Phim của ông Trương Dĩ Nhiên, Dạ Lý

Hương Phim của ông Bầu Xuân, hãng phim Tân Kiệt Y Wan ở Chợ Lớn, các hãng phim của đạo diễn Bùi Xuân Duân, Lê Hoàng Hoa, Lê Dân,

Kiều Chinh, Kim Cương, Thẩm Thúy Hằng, Thanh Nga, La Thoại Tân, Vân Hùng, Thành Được, Hùng Cường, Trần Quang, . . . là những diễn viên điện ảnh được ưa thích nhất .

Kim Cương đã đóng trên 50 bộ phim : *Một thoáng đam mê, Lòng nhân đạo, Mưa trong bình minh, Chiếc bóng bên đường, Thoại Khanh Châu Tuấn, Biển động. . .*



Kim Cương với Thẩm Thúy Hằng tại LNP - Á châu 1974 - Đài Bắc

Kim Cương và Thẩm Thúy Hằng được mời dự Liên Hoan điện ảnh Á Châu tổ chức ở Đài Loan. Kim Cương nhận được hai giải thưởng :

giải Diễn viên xuất sắc nhất năm 1974 và giải đối thoại phim hay nhất năm 1974 với phim *Chiếc bóng bên đường*.

Kỳ nữ Kim Cương trên lối rẽ sang con đường Thoại Kịch :

Cuối năm 1950, ở Saigon chỉ có hai Ban Thoại Kịch : **Ban kịch Tân Dân Nam** của kịch sĩ Anh Lân và **Ban kịch Sầm Giang** của Trần Văn Trạch.

Vào đầu thập niên 1960, có thêm **Ban thoại kịch Kim Cương, Ban kịch Vũ Đức Duy**.

Ban kịch Tân Dân Nam và Ban Sầm Giang diễn kịch ngắn, độ ba mươi phút mỗi vở. Ban kịch Kim Cương khi khởi đầu thì diễn những vở kịch dài, lấy từ tuồng cải lương, bỏ bài ca cổ nhạc và thêm vài pha hài như tuồng *Đoạn Tuyệt, Sông Dài, Lan và Diệp, Vợ và Tình, Trà Hoa Nữ. . .* Sau đó, Kim Cương được các soạn giả Thiếu Linh, Ngọc Linh, Nguyễn Phương tiếp tay viết nhiều kịch bản trong bước đầu xây dựng Ban Kịch với các kịch bản *Mưa đầu mùa, Cô gái ma túy, Men nắng, Mùa xuân trong mắt em, Hoa cuối mùa, Hoa nở về đêm, Men rượu Sa Kê. . .*

Kim Cương tự sáng tác kịch cho Ban kịch Kim Cương dưới bút danh Hoàng Dũng, các vở được nhắc nhở: *Dưới hai màu áo, Lá sầu riêng. . .*

Các nghệ sĩ cải lương chuyển qua diễn thoại kịch với Ban Kim Cương có :

Tú Trinh, Diễm Kiều, Hoàng Mai, Tường Vi, Duy Chức, Năm Sadec, Bảy Nam, Bảy Ngọc, Bảy Xê, Xuân Phát, Thanh Lựu, Kim Lan, Kim Cúc, Văn Chung, Hương Huyền, Kiều Phụng Loan, Anh Thư . .

Sau năm 1975, Kim Cương thành lập Ban Kịch Kim Cương, diễn thành công được trong nhiều năm. Kim Cương được đi học 2 năm đạo diễn ở Bungari, 2 năm tu nghiệp ở Pháp, đã làm chủ hãng phim Kim Cương và đạo diễn nhiều kịch và phim. Hiện nay cô Kim Cương làm chủ một nhà hàng sang trọng : Cathay Restaurant Kim Cương, tại Saigon .

Có thể nói Kim Cương là một nghệ sĩ lúc nào cũng phấn đấu để vươn lên, khắc phục những khó khăn trong cuộc sống, những trở ngại trên con đường tình duyên và sự nghiệp để thành danh trên đường nghệ thuật.

Kim Cương cũng được nhiều người biết và ngợi khen cô đã đóng góp rất nhiều tâm huyết, thời giờ và tiền bạc trong công cuộc cứu trợ đồng bào bị thiên tai bão lụt. Cô làm công tác từ thiện không mệt mỏi, theo dấu chân của nghệ sĩ Phùng Há trong công cuộc giúp đỡ bạn đồng nghiệp và đồng bào nghèo khó. Cô là Phó Hội Trưởng Hội Bảo trợ người tàn tật, bảo trợ trẻ khuyết thị Nguyễn Đình Chiểu, Hội Bảo trợ trẻ mồ côi.

Con trai duy nhứt của cô : bé Tô Rô ngày xưa bị bọn tổng tiền bắt cóc đòi chuộc vàng (trước khi Hà Linh, con trai của Thanh Nga bị bắt cóc, dẫn đến cái chết bi thảm của Thanh Nga) Tô Rô tên thật Trần Trọng Gia Vinh, sanh năm 1973, đã đậu bằng Cao Học Kinh Tế Canada (H. E. C), trở về nước làm việc theo ngành Kinh Tế, không theo nghiệp ca hát như 4 thế hệ trước của ông, cha, mẹ.

Kỳ nữ Kim Cương được khán giả thương mến không phải chỉ nhờ ở tài ca diễn mà còn nhờ ở đức độ trong cuộc sống nghệ thuật và cuộc đời riêng, sống biết thương yêu đồng nghiệp, tôn sư trọng đạo. biết giúp người bần khổ hoạn nạn. Chính cái Tâm vì người quên mình làm cho chữ Tài của Kim Cương thêm sáng tỏ.

Phần 2

Các soạn giả tiêu biểu

Chương 6

Từ Hát Bội đến Cải Lương Các Soạn Giả TIÊU BIỂU

Sân khấu là một loại hình nghệ thuật của nhiều tài năng tổng hợp lại. Từ kịch bản văn học, đến người đạo diễn, đến các ngành nghề khác như hội họa, trang trí, hóa trang, y phục, âm nhạc. . . tất cả đều nhằm làm tăng thêm hiệu quả diễn xuất của nghệ thuật diễn viên. Tôi đã thông qua các thể hệ nghệ sĩ diễn viên để nói lên sự đóng góp của diễn viên trong sự phát triển nghệ thuật sân khấu từ Hát Bội đến Cải Lương. Nhưng sẽ thiếu sót nếu không đề cập tới các tác giả, những người đã gom góp những sự thật của cuộc sống để tạo thành kịch bản, xây dựng những hình tượng nhân vật, tính cách của nhân vật. Soạn giả cũng là những người tiên phong trong việc nâng cao nghệ thuật biểu diễn thông qua kịch bản văn học của mình. Ta đã thấy từ hát bội truyền thống qua hát bội pha cải lương, và từ hát bội pha cải lương chuyển dần qua hình thức tuồng cải lương, nếu không có kịch bản văn học chuẩn bị sẵn đất diễn, xây dựng hình tượng nhân vật với các tính cách nhân vật, những câu ca, lời thoại, những bố cục, tình tiết gay cấn, mới lạ, hấp dẫn thì người diễn viên không tài nào tự mình với phần diễn xuất theo ý mình mà thay đổi được sân khấu như ta đã thấy.

Các soạn giả hát bội. –

Tôi vào ngành nghệ thuật sân khấu bằng cách tìm hiểu, học hỏi ở các nghệ sĩ đàn anh, đàn chị, tuy rằng các anh chị đó không tự nhận là thầy của tôi, nhưng trong thâm tâm tôi lúc nào cũng nhớ ơn các nghệ sĩ đàn anh đó. Tôi có nhiều thời gian làm việc chung với anh Thành Tôn và anh Năm Châu, qua công việc, tôi học hỏi, biết về sân khấu hát bội và cải lương và quen biết những học giả, những vị mệnh thường quân của sân khấu hát bội và cải lương.

Trong thời gian tôi theo anh Thành Tôn và anh Hữu Thoại ghi chép lại các tuồng hát bội cho Ban Văn Hạc Đài Phát Thanh Sài Gòn, tôi có dịp tiếp xúc với các nhà trí thức yêu mến sân khấu hát bội, từng có nhiều công lao trong việc duy trì và chấn hưng nghệ thuật hát bội.

Trong phần đầu tập sách, tôi có giới thiệu hoạt động của các ông Thân Văn Nguyễn Văn Quý, Đốc Phủ Đỗ Văn Rỡ, các anh Hữu Thoại, Thành Tôn trong việc duy trì và chấn hưng hát bội. Tôi xin giới thiệu thêm về Hội Khuyến Lệ Cổ Ca và tiểu sử ông Đốc Phủ Sứ Đỗ Văn Rỡ, nhà nghiên cứu về nghệ thuật hát bội ở miền Nam Việt Nam.

Hội Khuyến Lệ Cổ Ca

Theo lời kể của anh Thành Tôn thì trong những năm đầu của thập niên 30, phong trào đồn ca tài tử và hát cải lương rất bành trướng. Hát bội mất dần khán giả vì lối hát xưa,

dùng nhiều chữ nho và điển tích của Tàu, lối diễn ước lệ và các lối ca Nam, hát khách không còn được khán giả tán thưởng như trước đây. Nhiều gánh hát bội phải cho nghệ sĩ của mình học ca các bài bản cải lương. Canh tân hát bội chẳng những bằng cách thêm bài bản cải lương, mà phải bớt đi cách sử dụng giàn nhạc hát bội, bỏ trống chiến, bớt kèn lá và thêm phong cảnh, y trang mới, mua y trang của các đoàn hát Quảng để cho thêm rực rỡ thêm hấp dẫn. Tuồng tích tuy vẫn còn dùng cốt chuyện Tàu và một số tuồng Thầy như *San Hậu*, *Tam Nữ Đồ Vương*, *Trầm Hương Các*...nhưng nhiều câu



nói lối văn thường (tản văn) thay cho văn biền ngẫu. Những đổi thay trên được các bầu gánh hát bội trong những năm 1930, 1940 gọi là hát bội pha cải lương.

Nhiều bậc thức giả, nhiều nhà ái mộ nghệ thuật hát bội truyền thống và những nghệ sĩ hát bội cao niên không tán thành sự pha tạp, làm mất giá trị của một nền nghệ thuật hát bội cổ truyền của dân tộc.

Năm 1949, Hội Khuyến Học Nam Việt thành lập một Ban Chấn Hưng Hát Bội do ông Thân Văn Nguyễn Văn Quý và bác sĩ Võ Duy Thạch đề nghị và trực tiếp điều hành.

Ban Chấn Hưng Hát Bội tổ chức hát các vở tuồng : *Trầm Trinh Ân*, *Phụng Nghi Đình*, *Lưu Kim Đính*, *Xử Án Bàng Quý Phi* tại các rạp Thành Xương, Đình Cầu Quan - Bầu Thắng, Trung Ương Hí Viện (Aristo), Nguyễn Văn Hảo, do các nghệ sĩ có tâm huyết với nghề hát bội thủ diễn. Có nhiều nhà trí thức, công chức và cả khán giả thường trực của các đoàn hát bội pha cải lương ở đình Cầu Quan, đình Cầu Muối đến xem. Số thu khá cao nhưng các xuất hát không được tổ chức diễn thường xuyên nên Hội Khuyến Học Nam Việt nhờ báo chí vận động ủng hộ.

Đến năm 1952, Ban Chấn Hưng Hát Bội được nhiều người tham gia. Để có danh nghĩa chánh thức là một hội đoàn tư nhân, Ban Chấn Hưng Hát Bội xin phép thành lập **Hội Khuyến Lệ Cổ Ca** với ba mục đích :

- Duy trì và chấn hưng hát bội.
- Giúp đỡ các nghệ sĩ hát bội (tạo cơ hội và phương tiện hành nghề, giúp nghệ sĩ bệnh tật, nghèo yếu, neo đơn)
- Viết tuồng hát bội và đào tạo nghệ sĩ hát bội.

Ban Trị Sự đầu tiên của Hội Khuyển Lệ Cổ Ca gồm có quý ông:

Lê Phát Vinh, Võ Duy Thạch, Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Văn Hoanh, Nguyễn Văn Hia, Nguyễn Công Thiện, Phạm Văn Còn, Lê Văn Kiểm. Đây là những nhà trí thức, thân hào nhân sĩ mà giới nghệ sĩ hát bội và cải lương trong những thập niên 40, 50, 60 đều biết các ông Thân Văn Nguyễn Văn Quý và nhà học giả Lê Văn Kiểm.

Ban Trị Sự và các hội viên tích cực hoạt động cho Hội, không hưởng thù lao, trái lại còn đóng nguyệt liêm, mua vé xem hát, ủng hộ tiền quỹ của Hội để Hội có thể tổ chức nhiều xuất hát bội truyền thống, . Hội còn lãnh hát chầu ở các đình, miếu trong các cuộc lễ Hội Kỳ Yên của địa phương để cho các nghệ sĩ (diễn viên, nhạc công, hậu đài, phục trang) có nhiều dịp hành nghề, có thêm thu nhập. Ngoài ra, Hội tổ chức hát những xuất hát gần các dịp lễ Tết để gây quỹ, giúp nghệ sĩ tiền Tết, giúp các gia đình nghệ sĩ già yếu, neo đơn, bệnh hoạn. Lúc đầu Hội mượn đồ hát của các gánh hát tư nhân, về sau nhờ có sự đóng góp của các mạnh thường quân, Hội mua sắm được một dàn đồ hát có giá trị như y quan, tranh cảnh, đạo cụ, nhạc cụ, âm thanh, ánh sáng, tàn trướng, không thua gì một đại ban hát bội đương thời như Vĩnh Xuân Ban của bầu Thắng hay Tấn Thành Ban của bầu Cung.

Hội Khuyển Lệ Cổ Ca hoạt động có kết quả nên nhiều nghệ sĩ hát bội và nhiều gánh hát bội ở Sài Gòn và các tỉnh lân cận xin gia nhập Hội. Hội cũng tận tình giúp đỡ các gánh hát khác, nhận chầu các lễ Kỳ Yên các tỉnh, phân phối cho các đoàn để các đoàn có cơ hội hát nhiều hơn, nâng cao đời sống và nghề nghiệp cho nghệ sĩ hát bội.

Cuối tháng 8 năm 1956, nhân dịp giỗ Tổ, Hội Khuyển Lệ Cổ Ca tổ chức hát Hội gây quỹ tại rạp Hào Huê, Chợ Lớn và hợp Đại Hội tại trụ sở của Hội ở đình Cầu Quan (bầu Thắng). Đại Hội bầu ông Đốc Phủ Đỗ Văn Rỡ làm Hội Trưởng, nghệ sĩ Thành Tôn, Hội Phó, phụ trách Nghiệp Vụ, nghệ sĩ Hữu Thoại, phụ trách Đào Tạo. Trong Ban Trị Sự, các ông Thân Văn Nguyễn Văn Quý, ông Lê Quan Lê Văn Kiểm, ông trưởng tòa Phan Văn Thiết, ông Nguyễn Công Thiện (Esso) ông Nguyễn Văn Hoanh, bác sĩ Võ Duy Thạch được tái đắc cử.

Tôi (Nguyễn Phương) tuy là nghệ sĩ cải lương, nhưng ở thường trực đoàn Thanh Minh, rạp Thành Xương, kế bên đình Cầu Quan, trụ sở của Hội Khuyển Lệ Cổ Ca, và tôi cũng như là đệ tử của anh Thành Tôn và Hữu Thoại khi cùng với các anh ghi chép lại những bản tuồng hát bội xưa, nên tôi tình nguyện giúp làm thư ký ghi chép những công văn giấy tờ của Hội trong các dịp lễ lớn hay đại hội này. Đến khi anh Đình Bằng Phi được bầu vào Ban Trị Sự, anh phụ trách thư ký của Ban Trị Sự, tôi chuyên hẳn về ngành nghệ thuật cải lương. Vì là có một thời gian giúp ghi chép tên, sổ sách cho Hội, tôi còn ghi nhớ những năm 1956, 57, 58, số Hội viên nghệ sĩ hát bội thật là đông, nhiều tài danh hát bội đương thời như các ông Bầu Tảo, Chín Tài, Bảy Lập, Tám Văn (thân phụ của đào Thanh Thế), Năm Còn, Sáu Hẫu, Năm Nhi, Mười Sự, Chín Luông, Thành Tôn, Hữu Thoại, hể Thiệu Cửa, Năm Hiến, Ba Kiên, Tư Tần, Sáu Hoa, Minh Tơ, Châu Kỳ, Hoàng Sốc, Hoàng Bá, Ba Quang. . . . Các cô Năm Đồ, Bảy Sự, Ba Út, Hai Nhỏ,

Ba Sáng, Tư Châu, Ba Ngánh, Ngọc Lượng, Ba Đắc, Huỳnh Mai, Kim Bông và các tài năng trẻ như các cô Kim Thanh, Kim Ngà, Ngọc Đáng, Ngọc Khanh, Ngọc Dung. . .

Dàn nhạc của hội gồm có những nhạc sĩ bậc thầy như Tư Long (trống, thân phụ của nghệ sĩ Kim Thanh), Hai Giác, Tư Phúc, Ba Chỗ, Văn Lụa (kèn), Sáu Vững (Cò, trưởng Ban hát bội Vân Hạc Đài Phát Thanh Sài Gòn), Hai Biểu (tranh), Bảy Thu (kìm).

Về Kịch Bản hát bội, có ba nhà trí thức kiêm soạn giả sau đây đóng góp nhiều sáng tác mới :

* - **Ông Thân Văn Nguyễn Văn Quý** viết và thuyết trình đề tài hát bội có minh họa hát bội giới thiệu nghệ thuật hát bội với các sinh viên, các nhà trí thức, các nhà kinh doanh để vận động các giới này ủng hộ hát bội và hoạt động của Hội. (tổ chức hai lần ở Nhà Kiếng, Trụ Sở Tổng Công Đoàn Lao Công đường Lê Văn Duyệt, một lần tại hội trường trường Pétrus Ký) Ông Thân Văn Nguyễn Văn Quý có viết các tuồng Hát Bội, văn chương trau chuốt, có giá trị về nghệ thuật và văn học :tuồng *Ngũ Biến Báo Phu Cừu*, *Mao Y Thần Cung*, *La Nhơn*, *Trưng nữ Vương*, *Trần Nhứt Chánh Hội Tam Thê*, *Lê Lợi Khởi Nghĩa*, *Võ Tánh Tử Tiết*, *Hậu Ngô Vương*, *Huyền Trân Công Chúa*.

* - Nhà học giả **Lê Quan Lê Văn Kiêm** viết tuồng *Trảm Trịnh Ân*, hợp với ông Thân Văn Nguyễn Văn Quý soạn tuồng *Địch Thanh*.

- Nghệ sĩ **Thành Tôn và Hữu Thoại** là biên tuồng của Hội, biên soạn và viết lại thành văn bản các kịch bản hát bội xưa, đã góp công không nhỏ trong việc Chấn Hưng Hát Bội và đào tạo nghệ sĩ hát bội trẻ

Tiểu Sử ông Đỗ Văn Rỡ, Nhà Nghiên Cứu Hát Bội :

Ông Đỗ Văn Rỡ sanh năm 1914 tại ấp Gia Lâm, xã Gia Lộc, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, gia đình trung nông. Ông Rỡ thứ ba nên trong gia đình và bạn bè thôn xóm thường kêu ông là Ba Rỡ. Ba Rỡ học xong tiểu học ở quận, rồi học trung học Pétrus Trương Vĩnh Ký, đậu bằng Tú Tài toàn phần năm 1936. Sau đó ông đi dạy học và làm công chức từ năm 1937 đến năm 1975, lên đến ngạch Đốc Phủ Sứ.



Trả lời phỏng vấn của ký giả Trần Tấn Quốc khi ông được bầu vào nhiệm vụ Hội Trưởng Hội Khuyến Lệ Cổ Ca năm 1959, ông Rỡ cho biết hồi nhỏ, khi còn đi học trường Tiểu Học ở trong quận, ông Rỡ đã mê coi hát bội. Những dịp cúng

đình, cúng Kỳ Yên, có hát chầu là ông Rỡ không bao giờ vắng mặt trong các xuất hát đó. Ông chẳng những mê coi hát, mà những ngày lễ, ngày chúa nhật nghỉ học, nếu có hát bội, tối ông xem hát, ban ngày ông tới lân la làm quen với các anh kép, cô đào để học vài ba câu hát bội. Lúc gần cuối năm học để thi tú tài, thầy Nguyễn Văn Nho (

giáo sư dạy môn Văn) chỉ định ông thuyết trình cho các bạn đồng lớp nghe về « nghệ thuật hát bội ». Để chuẩn bị cho buổi thuyết trình đó, ông đã vô thư viện, tìm đọc tài liệu viết về hát bội của các tác giả Pháp (Georges Coulet, Jules Lemaitre. . .) và trở về quê học vỡ lòng các điệu hát với hai anh kép hát quen biết lúc anh còn nhỏ, đó là nghệ sĩ Hưng và Sương. Ông cũng đến học về động tác múa bộ với nghệ sĩ Năm Thao đoàn Tấn Thành Ban Cầu Muối. Buổi thuyết trình của ông Rõ tại trường có minh họa hát bội, có lý thuyết về nghệ thuật hát cổ truyền Việt Nam, được các bạn đồng lớp tán thưởng. Khi Ông Rõ kêu gọi các bạn sinh viên ủng hộ và tham gia việc phục hưng hát bội, nhiều bạn hưởng ứng nhưng giáo sư Nho không tán thành, vì ông nói nghệ thuật đó không còn phù hợp với khán giả nữa, nên chỉ coi như một món đồ cổ mà thôi. Không ngờ buổi thuyết trình trên và ý kiến phản đối của giáo sư Nho lại có một sức mạnh thúc bách ông Rõ tìm hiểu, đi sâu hơn nữa trong việc nghiên cứu bộ môn hát bội.

Trong thời gian 20 năm (1937 – 1957), mặc dù bận rộn công vụ, ông Rõ vẫn dành một số lớn thì giờ để nghiên cứu lý thuyết, sưu tầm tài liệu và các bản tuồng tích xưa, rồi viết bản tham luận, sáng tác tuồng mới, tổ chức nói chuyện trước sinh viên, trên đài phát thanh, đăng báo để vận động một phong trào duy trì và chấn hưng hát bội. Ông được đề cử làm Trưởng Ban Quý Tế lăng miếu Võ Di Nguy, Tả Quân Lê Văn Duyệt và nhiều ngôi đình khác. Ông được mời vào các vị trí danh dự trong các lễ hội Kỳ Yên như chủ lễ, Chắp Sự xây châu, cầm châu cho các buổi biểu diễn.

Trong năm 1959, do khả năng hiểu biết sâu sắc về nghệ thuật hát bội và sau một thời gian dài hoạt động vận động bảo tồn và chấn hưng hát bội, ông Đỗ Văn Rõ có uy tín tuyệt đối trong giới nghệ sĩ hát bội và các nhà trí thức, mạnh thường quân yêu mến bộ môn hát bội. **Ông Rõ được bầu làm Hội Trưởng Hội Khuyến Lệ Cổ Ca liên tục nhiều nhiệm kỳ** (từ 1959 đến tháng 4 năm 1975, ông mới từ nhiệm).

Hội Trưởng Đỗ Văn Rõ có nhiều công lao trong việc vận động một phong trào thưởng thức hát bội. Ông liên hệ với các cơ quan chánh phủ, các nhà doanh nghiệp, các trung tâm văn hóa nước ngoài để xin trợ cấp kinh phí và giúp đỡ vật chất để lập nên một đoàn hát bội với đầy đủ y trang, đạo cụ, nhạc cụ, âm thanh, ánh sáng, tàn trướng chẳng khác gì một đại ban, đặt trụ sở tạo đình Thái Hưng (Cầu Quan). Ông thường tổ chức những buổi diễn hát bội thường xuyên hoặc định kỳ tại các rạp hát lớn của thành phố và ông liên lạc với các hội đình miếu để lãnh châu hát, tạo điều kiện cho những nghệ sĩ hát bội có nhiều cơ hội để hát, vừa rèn luyện thêm nghề nghiệp, vừa có thu nhập để ổn định cuộc sống. Hàng năm, ông tập hợp nghệ sĩ hát bội, tổ chức giỗ Tổ trọng thể và phát quà, trợ cấp cho những nghệ sĩ hát bội già yếu, bệnh tật, hoặc neo đơn.

Từ năm 1959 đến tháng 4 năm 1975, ông qui tụ những nghệ sĩ hát bội giỏi tay nghề từ các tỉnh về Hội Khuyến Lệ Cổ Ca như : Ba Kiên (Mỹ Tho), Công Chấn (Tây Ninh), Ba Luông (Bà Rịa), Minh Biện (Củ Chi), Mười Hiếu, Ngọc Ẩn (Bến Tre). Ông Rõ cũng được mời làm giáo sư, cùng với các nghệ sĩ Hữu Thoại, Thành Tôn, dạy trường Quốc Gia Âm Nhạc, khóa hát bội, đào tạo các nghệ sĩ hát bội trẻ, nay là những tài

đanh hát bội ở Sài Gòn như Kim Thanh, Kim Ngà, Ngọc Khanh, Kiều Loan, Ngọc Dung, Kim Phượng, Đinh Bằng Phi, Xuân Quan, Thanh Bạch, Thanh Hiệp, Hoài Nhân. Sau năm 1975, Hội Khuyến Lệ Cổ Ca bị giải tán, Ông Rõ bàn giao tất cả tài sản của Hội gồm có tàn trống, y trang, đạo cụ, ánh sáng, âm thanh để thành lập đoàn Hát Bội của Thành Phố. Ông rõ lui về vị trí của một nhà nghiên cứu hát bội và soạn tuồng hát bội khi có yêu cầu. Đến ngày 1 tháng 7 năm 1987 ông Rõ được nghỉ hưu.

Ông Đỗ Văn Rõ là một trong số rất ít nhà nghiên cứu về nghệ thuật hát bội ở Việt Nam. Tính từ năm 1937 đến năm 1987, ông Đỗ Văn Rõ đã cống hiến 50 năm liên tục để vận động phong trào duy trì và chấn hưng hát bội và thực hiện những công trình quý giá:

Tập trung và lưu trữ một số tư liệu, tuồng, các bài bản do nghệ nhân xưa kể lại.

Viết các bài nghiên cứu về hát bội (gốc tích nghệ thuật hát bội, những cái hay của hát bội, lễ xây châu, lễ đại bội, bài chúc thọ. . .)

Thuyết trình và dẫn giải có minh họa trên Đài Truyền Hình Sài Gòn.

Viết và nhuận sắc các tuồng hát bội cũ :

Tiết Nhơn Quý hồi hương, Bá Lý Hề, Tống Tửu Ô Hắc Lợi, Thất Nam Dương Thành, Từ Thứ Qui Tào, Lục Vân Tiên, Phan Thanh Giản tuần tiết, Đoàn Hồng Ngọc dả cổ nhạc, Hoàng Phi Hổ quá giới bài quan, Cửu Nhĩ lập mưu cứu quốc báo phu cừu, Tiết Đình San cầu Phàn Lê Huê, Giả Thị Tử Tiết. . .

Sau năm 1975, ông Rõ có soạn các tuồng :

Dương Ngọc, Kiều Nguyệt Nga, Châu Huyền Nga đối kháng (phỏng theo ý tuồng Tiêu Anh Phụng Loạn Trào), Tiết Giao Đoạt Ngọc và Tô Hiến Thành xử án.

Ông Đỗ Văn Rõ qua đời hồi 17 giờ ngày thứ tư 19 tháng 6 năm 1996 (tức mừng 4 tháng 5 âm lịch năm Bính Tý), thọ được 83 tuổi.

Suốt cuộc đời, ông Đỗ Văn Rõ đã đi vào nghệ thuật hát bội với tất cả nhiệt tình đam mê. Ông đã thương, giúp đỡ và tạo điều kiện hành nghề cho ba thế hệ nghệ sĩ hát bội. Ông như người cha, người thầy, người bạn của các nghệ sĩ hát bội của miền Nam Việt Nam.



Lưu Kim Đình trong vở
LƯU KIM ĐÌNH GIẢI GIÀ THỌ CHÁU



Ông Đinh Bằng Phi **nghệ sĩ biểu diễn, tác giả và là nhà nghiên cứu hát bội**

Nghệ sĩ hát bội Đinh Bằng Phi được giới nghệ sĩ, ký giả, khán giả biết và ái mộ ông rất nhiều như đã ái mộ nhà nghiên cứu hát bội Đỗ Văn Rỡ.



Ông **Đinh Bằng Phi** sinh năm 1938, tại Nam Vang, nhưng quê quán ở làng Phú Hữu, tỉnh Sadec. Cha ông là một công chức thuộc ngành ngân khố. Đinh Bằng Phi học ở trường Tiểu học tỉnh Vĩnh Long. Sau đó, cha ông được chuyển về Tổng Nha Ngân Khố Saigon, Đinh Bằng Phi theo gia đình về Saigon, học trung học ở trường Pétrus Ký và tốt nghiệp Đại học Sư phạm năm 1959. Đinh Bằng Phi được bổ đi dạy học tại trường Trung học Vũng Tàu.

Từ năm 10 tuổi, Đinh Bằng Phi đã mê xem hát bội và cải lương vì gia đình của anh ở gần miếu Quốc Công, trong miếu có một võ ca rộng lớn (tức sân khấu để hát bội khi có lễ cúng Kỳ yên), nên nhiều đoàn hát bội và cải lương thường về đây diễn. Mặc dầu gia đình ngăn cấm, anh vẫn thường trốn đi xem hát. Anh thích những nhân vật anh hùng trong truyện Tàu được thể hiện trên sân khấu nên khi học Trung học, anh đã bắt đầu tập viết văn, đăng trên tờ báo Duy Tân. Anh sưu tầm các bài báo và các bài nghiên cứu về nghệ thuật hát bội và cải lương. Năm anh 18 tuổi, Đinh Bằng Phi đã sáng tác một vở tuồng hát bội *Phạm Ngũ Lão tung chinh*, vở tuồng được Ban Trị Sự Hội Khuyến lệ cổ ca :

các ông Đỗ Văn Rỡ, Phan Văn Thiết, Thân Văn Nguyễn Văn Quý ngợi khen và giới thiệu cho Ban hát bội Vân Hạc của Đài phát thanh Saigon trình diễn.

Các ông Tuần lý Huỳnh Khắc Dụng, Vương Hồng Sển, Đỗ Văn Rỡ, Thân Văn Nguyễn Văn Quý và Lê Văn Kiểm hướng dẫn anh thêm về nghệ thuật hát bội.

Đinh Bằng Phi học hát bội với các nghệ sĩ hát bội tài danh đương thời như Ba Út, Năm Đồ, Năm Sadec, Minh Tơ, Sáu Bê, Ngọc Lương và trở thành một diễn viên hát bội của Ban Vân Hạc và của đoàn hát bội Phước Thành (Dakao). Đinh Bằng Phi diễn rất hay các loại vai quan lão trung thần (Phan Định Công, Triệu Khuông Dẫn), lão Tiều, võ tướng kép mặt trắng (Triệu Tử Long). Anh cũng diễn thành công các vai thầy rùa như tướng Dư Hồng, kép lão văn như vai thái giám Tử Trình.

Năm 1970, Đinh Bằng Phi được chuyển về dạy ở Trường Quốc gia m nhạc và Kịch nghệ Saigon, phụ trách lớp hát bội. Thời gian từ 1970 đến 1975, anh đã đào tạo được 20 học viên hát bội, đa số các em đã trở thành những nghệ sĩ hát bội danh tiếng như Kim Thanh, Ngọc Dung, Ngọc Khanh, Xuân Quan. . .

Từ 1970 đến năm 1975, song song với việc dạy học ở trường, Đinh Bằng Phi quy tụ các em học viên thành một nhóm nghệ sĩ hát bội, đã diễn ở các tỉnh Mỹ Tho, Vũng Tàu, Phan Rang, Đà Lạt nhân các dịp lễ cúng Kỳ Yên của địa phương.

Đình Bằng Phi còn thường xuyên thuyết trình về đề tài Hát Bội ở các trường Đại học và Trung học, anh sáng tác và dàn dựng các tuồng hát bội về đề tài lịch sử.

Đình bằng Phi nhận được những Giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật trong những năm 1971, 1972, 1973 với các vở tuồng của anh sáng tác như *Trần Bình Trọng tuần tiết*, *Sự tích Trần Huyền Trân*, *Cánh tay Vương Ta'.*

Năm 1974, Đình Bằng Phi nhận được Giải Kim Khánh với danh hiệu « Người có công với nghệ thuật Hát Bội. »

Tháng 9 năm 1974, anh phụ trách nhóm Hát Bội trong đoàn đại biểu miền Nam Việt Nam tham dự Liên hoan Thanh niên Thế giới về văn học, nghệ thuật, thể thao của các nước nói tiếng Pháp, tổ chức tại Québec, Canada.

Sau năm 1975, Đình Bằng Phi là diễn viên của Đoàn Nghệ Thuật Hát Bội của thành phố. Năm 1992, được đề cử làm Phó trưởng đoàn. Anh đã sáng tác thêm được 7 vở tuồng hát bội : *Nguyễn Trãi nhập Đông Quan* (1984), *Tứ Linh Hội* (1989), *Chuyện tình Bẫy Núi* (1993), *Tiếng hát nàng Huyền Cơ* (1998) .

Về diễn xuất, Đình Bằng Phi có những vai « để đời » : Thái giám Tử Trình (tuồng *San Hậu*), Triệu Khuông Dẫn (tuồng *Trảm Trịnh Ân*), Vương Tư Đồ (tuồng *Phụng Nghi Đình*).



Nghệ Sĩ Đình Bằng Phi (Triệu Khuông Dẫn)



Ngài Tử Tư trong vở
LỬA CHÁY THÀNH CỔ TÔ



Triệu Khuông Dẫn
Trong TRẢM TRỊNH ÂN



Nghệ Sĩ Đình Bằng Phi (Lão Tiểu)

Chương 7

Các soạn giả Cải Lương

1.- Ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền

soạn giả tiên phong, thầy của các nghệ sĩ Năm Châu,

Phùng Há, Bảy Nhiêu



SOẠN GIẢ MỘC QUÁN - NGUYỄN TRỌNG QUYỀN
1876 - 1953

Năm 1967, trong cuộc hội thảo về « đề tài 50 năm sân khấu cải lương » tổ chức tại nhà Hội Nghệ sĩ ai hữu tương tế ở số 133 đường Cô Bắc Saigon, soạn giả Duy Tân đọc bản tham luận nhắc đến hai vị nghệ sĩ tiền bối có công lao lớn trong việc xây dựng nền nghệ thuật sân khấu cải lương miền Nam, đó là ông Cao Văn Lầu, cha đẻ của bản Dạ Cổ Hoài Lang mà hiện nay trở thành bài Vọng cổ lừng danh và ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền, một soạn giả tiên phong, người đã viết nhiều tuồng hay và đào tạo được nhiều nghệ sĩ tài danh như Phùng Há, Năm Châu, Bảy Nhiêu, Năm Phỉ. . .

Ông Nguyễn Trọng Quyền, bút danh Mộc Quán, sinh năm Đinh Sửu (1876) tại làng Thanh Hòa, xã Trung Nhứt, quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên (nay thuộc tỉnh Cần Thơ), con của ông Nguyễn Văn Tường và bà Trương Thị Thạnh.

Lúc nhỏ, ông học hết chương trình Tiểu học, rồi ở nhà học chữ Nho với cha ông và tự học thêm Pháp văn. Ông làm thơ ký cho hãng rượu nếp hiệu Phước Hiệp do ông Vương Thiệu (Năm Tiệm) làm chủ. Trong hãng, phần lớn nhân công là người Hoa nên ông rất giỏi tiếng Tiều. Ông Vương Thiệu nguyên là một nghệ sĩ đoàn hát Tiều giải nghệ để kinh doanh nghề nấu rượu nên trong những cuộc tiệc trong nội bộ của hãng Phước Hiệp, ông Vương Thiệu rước đoàn hát Tiều (những bạn nghệ sĩ cũ của ông) về hát cho công nhân xem. Ông Nguyễn Trọng Quyền nhân các dịp đó, làm quen với các kép hát Tiều, học đờn cò và học hát.

Năm 1903, ông sáng tác thơ tuồng để dạy con cháu cách cư xử ở đời như thơ *Thoại Bạch Viên* (còn gọi là *thơ Chệt Xuội*), *Trùng Ma Phụ Giám* và *Xử Hạnh Ca*.

Năm 1906, ông Vương Có, con của ông Vương Thiệu, nhân thấy nhiều chủ bầu các gánh hát ở Tiền Giang và Hậu Giang làm giàu mau lẹ nhờ gánh hát rất đông khách nên ông xin cha ông giúp vốn lập ra đoàn cải lương Tập Ích Ban. Ông Nguyễn Trọng Quyền, thơ ký của hãng rượu Phước Hiệp được mời làm thầy tuồng.

Gánh hát Tập Ích Ban được tổ chức rạp khuôn theo một gánh hát Tiều, soạn giả Nguyễn Trọng Quyền lấy bút danh là Mộc Quán. Các nam, nữ diễn viên đều được đặt

nghệ danh theo tên của người Hoa như Bảy Nhiêu thành tên Lâm Sinh, cô Sáu Trâm thành tên Ngọc Xoa, Tư Thới thành Dương Hòa, Hai Hiến thành Kiều Mị. . . Ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền làm một bài thơ thất ngôn bát cú mà chữ đầu của mỗi câu ghép lại thành Tập Ích Ban chủ bút Nguyễn Trọng Quyền :

TẬP rèn ngu lậu hóa khôn ngoan
ÍCH lợi cho đời thấy mở mang
BAN tứ trường thù người vẽ gấm
CHỦ tâm già lửa rở màu vàng
BÚT nghiên mượn tiếng bài câu giác
NGUYỄN hưởng đồng thịnh chuộng chữ nhàn
TRỌNG quý há khoe cùng chúng bạn
QUYỀN hành ngay thẳng mạnh càng sang.

Suốt 7 năm làm thầy tuồng gánh Tập Ích Ban, ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền đã viết 27 tuồng dựa theo cốt truyện Tàu, đã sử Việt Nam và xã hội mà một số di cao còn được nghệ sĩ Phùng Há gìn giữ như tuồng *Châu trần Tiết Nghĩa*, *Tây sương Ký*, *Thố Nhận Oan Ương* và tuồng *Bội Phu Quả Báo*, sáng tác phẩm của ông Phạm Công Bình năm 1923, được ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền nhuận sắc năm 1924, thêm bài ca Dạ Cổ Hoài Lang cho nghệ sĩ Phùng Há hát trong gánh hát Huỳnh Kỳ.

Xin trích dẫn tuồng Bội Phu Quả Báo, lớp Lý Ngọc Thơ vì lầm lỡ phản bội chồng nên hối hận, than thân trách phận :

Lý Ngọc Thơ :

Vì phận bạc nên phải điều lầm lỗi, bởi bạc tiền nên mang chữ phụ bân. . . (ca Dạ Cổ Hoài Lang)

Nhìn rày, kìa khe đó

Phân số khiến có đau phiền,

Xin xưa phối duyên Khôn - Tuyền,

Tham sang quên hèn

Nay tới hồi suy thời,

Xa vời gian nan

Rày hồi tâm toan tỉnh

Cam lỗi niềm phụ mẫu tình thâm

Đem cái thân tro bụi

Gieo giữa dòng khe suối nầy đây

Liều thân này sống chi nhờ hình

Người chê lẽ phụ tình!

Thề cùng núi non

Gởi phách hồn xác đã vùi chôn

Sau dẫu tái sanh dương trần –

Không dám làm ác nơn, ác tâm!

Qùy lạy trả ơn song đường

Phận con đành bạc mạng từ đây

*Tĩnh ngộ lấy lương tâm này
Khuyên khá đừng « bội phụ » bớ ai! . .*

Năm 1923, ông Nguyễn Trọng Quyền được ông bầu Lê Phước Georges và nghệ sĩ Phùng Há mời về làm thầy tuồng cho gánh hát Huỳnh Kỳ. Ông đã viết 12 tuồng cho gánh hát này.

Năm 1929, ông được mời về làm soạn giả cho gánh hát Hữu Thành của ông Bầu Nguyễn Bá Phương ở Thốt Nốt. Ông đã viết 5 tuồng cho gánh hát Hữu Thành.

Năm 1935, ông Nguyễn Bửu ở Trà Vinh và cô Phùng Há lập gánh hát Phụng Hảo 4, mời ông Nguyễn Trọng Quyền làm thầy tuồng. ông Quyền đã viết 7 tuồng cho Phụng Hảo 4 mà hai vở tuồng *San Hậu* và *Phụng Nghi Đình* đến nay vẫn được nhiều đoàn hát khác đem ra sử dụng.

Năm 1937, gánh hát Hữu Thành tái sinh và gánh hát Kỳ Quan của ông Năm Hỷ ở Thốt Nốt thành lập. Hai gánh hát này mời ông Nguyễn Trọng Quyền làm thầy tuồng chung cho hai gánh hát. Thời gian này, ông Quyền đã sáng tác 17 tuồng.

Năm 1939, ông Quyền làm thầy tuồng cho gánh hát Ngự Bình của bầu Tư Thới, ông đã sáng tác 8 vở tuồng *Tàu* và đã sử dụng cho đoàn hát Ngự Bình.

Năm 1952, ông Châu Văn Sáu và cô Phùng Há lập đoàn cải lương Phụng Hảo 4. Ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền viết vở tuồng hương xa, lấy nước Nhứt Bồn làm bối cảnh, tựa tuồng là *Luống Cày Rướm Máu*. Tuồng này hát được một tuần lễ tại rạp Nguyễn Văn Hảo, kế đó phải tạm ngưng vì ông Bầu Châu Văn Sáu và cô Phùng Há được tin là ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền bị đứt mạch máu não, đưa vào nhà thương Châu Đốc và trút hơi thở cuối cùng vào ngày 21 tháng 9 năm Quý Tỵ (1953). Cô Phùng Há, ông Châu Văn sáu và nhiều nghệ sĩ tiền phong Năm Châu, Bảy Nhiêu, Năm Phỉ, Ba Vân, Từ Anh, Kim Cúc, Kim Lan. . . về dự lễ an táng ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền tại xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt. Cô Phùng Há đứng ra xây một ngôi mộ cho ông tại ấp Phụng Thạnh 2, xã Trung Nhứt vì cô Phùng Há vừa là đệ tử, vừa là dưỡng nữ của ông Mộc Quán.

Ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền làm thầy tuồng được gần 50 năm, ông sáng tác được 85 vở tuồng, 3 truyện thơ. Một số vở tuồng và thơ truyện của cố soạn giả Mộc Quán được nhà in Phạm Văn Thìn xuất bản, số tác phẩm đó hiện được lưu trữ nơi thư viện của tỉnh Cần Thơ.

Là thầy tuồng, ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền đã trực tiếp dạy hát cho các nghệ sĩ Phùng Há, Năm Châu, Bảy Nhiêu, Năm Phỉ, Kim Cúc, Kim Lan, Ba Vân, Sáu Trâm. . . Cô Phùng Há, Sáu Trâm, Ngọc Hải đều gọi ông là cha. Năm Châu, Bảy Nhiêu, Năm Phỉ mỗi khi nhắc đến ông Mộc Quán đều tỏ lòng tôn kính ông là một bậc minh sư. Các nghệ sĩ cải lương hiện nay, những em cháu vào hàng hậu bối của các nghệ sĩ tiền phong đều tôn vinh cụ Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền là một vị Hậu Tổ của Cải Lương.

2. - Ông Mộng Vân

Soạn giả khai sáng loại tuồng cải lương kiếm hiệp

Mộng Vân tên thật là Nguyễn Văn Trung sinh năm 1910 tại Bạc Liêu, học hết chương trình Tiểu học, rồi ở nhà giúp cha mẹ buôn bán tiệm چاپ pho bên hông chợ Bạc Liêu.



Năm 1924, Mộng Vân học đàn kìm với nhạc sư Lê Văn Chột. Anh là bạn đồng môn với các nghệ sĩ Bảy Cao, Năm Nghĩa.

Năm 1930, anh làm trưởng Ban đàn ca tài tử tỉnh lý Bạc Liêu, chuyên đàn cây đàn kìm, nhạc sĩ Trịnh Thiên Tư, Ba Chột đàn sến, Tư Bình đàn cò, Năm Nhỏ đàn lục huyền cầm, ca sĩ có các anh Phong Sắc, Sanh Lợi, Mộc Thái, Ngọc Cầm, Tư Yến . . .

Anh Mộng Vân có biệt tài sáng tác các bài cổ nhạc vắn, nhạc sư Trịnh Thiên Tư viết lời ca, hai anh đã góp phần phong phú hóa các tiết mục đàn ca tài tử và sau này hai anh đã sử dụng các bản nhạc vắn đó trong các tuồng cải lương do Mộng Vân

sáng tác. Quyển sách dạy đàn kìm và bài ca cổ nhạc, tựa đề *Cầm Ca tân điệu* được sáng tác trong lúc này, nhạc sĩ Mộng Vân và Ba Chột sáng tác cổ nhạc, Trịnh Thiên Tư viết lời ca.

Năm 1932, Ca sĩ Phong Sắc lập gánh hát **Phong Sắc**, Mộng Vân được mời làm soạn giả, diễn viên đa số là các ca sĩ của Ban đàn ca tài tử Bạc Liêu. Nhạc sư Trịnh Thiên Tư là người có học vấn cao hơn hết trong nhóm đó, ông đem những chuyện hay tích lạ mà ông đọc được trong các tiểu thuyết của Pháp như truyện *Kích Tôn Sơn bá tước* (le conte de Monte Cristo) kể lại cho anh em nghe. Mộng Vân là người sáng dạ, mau chóng nắm được cốt chuyện, lựa những pha gay cấn nhất, sáng tác thành tuồng *Chúa đảo Kim Cương*. Trong tuồng *Chúa đảo Kim Cương*, những lớp tình cảm như thủy thủ hàng hải Kha Luân bị vu cáo theo giặc, mất người yêu và bị đày ra đảo tù, cảnh chia tay giữa hai người tình khốn khổ được soạn giả Mộng Vân khai thác triệt để thông qua các bài vọng cổ (tăng lên thành 32 nhịp, có gác bài bản vắn do ông sáng tác như *Giang tô*, *Phong Nguyệt*, *Kiều nương*...)

Những màn đi tầm thù, gặp lại người hôn phối cũ, nay đã là vợ của kẻ thù, Mộng Vân cho nhơn vật ca những bài vắn nhịp điệu nhanh, dồn dập lúc đấu gươm để rồi chuyển qua giọng mùi, lời nhịp thật êm để vô vọng cổ.

Những cảnh trái lòng diễn ra là những miếng đất màu mỡ cho những giọng ca vàng vọng cổ tung hoành. Thêm vào đó những pha đấu gươm gay cấn, khi sắp giết được tình địch thì người yêu cũ xuất hiện ca vọng cổ xin tha chết cho kẻ thù. . . Lại còn những trận đấu dao găm hồi hộp, những pha phóng mình bay qua cửa sổ hoặc bay từ góc sân

khẩu này qua góc kia. Khán giả được xem tuồng có cốt truyện gay cấn, lâm ly và có nhiều đoạn trữ tình, lại được nghe nghệ sĩ ca nhiều bài vọng cổ hay, họ nhiệt tình ủng hộ các tuồng kiểm hiệp của soạn giả Mộng Vân.

Năm 1934, ông Hai Nuối, bầu gánh Tân Hý, nhân dịp lưu diễn ở các tỉnh miền Hậu Giang, nghe khán giả khen tuồng của đoàn hát Phong Sắc, ông liền phái anh quản lý Năm Anh đi coi. Sau đó, quản lý Năm Anh đề nghị ký hợp đồng mời Mộng Vân về làm soạn giả. Ông bầu Phong Sắc bán xác gánh hát, đưa phần lớn nghệ sĩ của đoàn hát của ông gia nhập gánh Tân Hý.

Mộng Vân soạn các tuồng *Long Hình Quái Khách*, *Bồng Lai Hiệp Khách*, *Chúa đảo kim cương*, *Cánh bướm đen* (sau đổi tựa là *Sĩ Vân công chúa*), *Triều Tiên vong quốc sử*, *Ngày về thương binh*. . . Đoàn hát Tân Hý Ban nhờ loạt tuồng của soạn giả Mộng Vân mà thành công rực rỡ về tài chánh và nghệ thuật ca diễn.



Soạn giả TRẦN THIÊN VIỆT
Trần Thiệu Vũ đồng tác bản nhạc.
Sơ khởi viên ở Đoàn hát Tân Hý và trong đoàn cải lương,
Thập niên khởi đầu hát và đóng kịch ở Đoàn hát Tân Hý.

Gánh hát Tân Hý Ban đã lập thành một công thức về lối trình diễn tuồng kiểm hiệp của soạn giả Mộng Vân như sau :

« **đánh poignard, nhả cửa sổ, ca vọng cổ, phụt đèn màu** ». Trong một tuồng kiểm hiệp, bao giờ cũng có những cảnh đấu kiếm giữa kẻ ác và người thiện, người ác thắng thế, gần giết được người thiện thì người thiện mặc dầu đã bị rớt gươm nhưng nhờ có dấu poignard trong người, bất ngờ lật ngược thế cờ. Trận đấu poignard tiếp tục, người thiện khó khăn lắm mới thắng kẻ ác, kẻ ác phóng qua cửa sổ, chạy mất, khi người thiện định đuổi theo thì đào chạy ra, ngăn cản và ca vọng cổ. Lối ca này có gác bài Phong Nguyệt, hay Giang Tô,

hay Kiều nương, nhịp đôi, nhanh, khi dứt bài, chậm lại, chuyển qua « ai » rồi vô vọng cổ. Khi vô chữ Hồ đầu câu vọng cổ thì phụt đèn màu đỏ. Khán giả luôn luôn vỗ tay những lớp ca có phụt đèn màu.

Khi đấu poignard thì cổ nhạc đờn bài Vọng Tho, bản nhạc có nhịp mô, nhịp lặn để hai đối thủ khắc kiếm với nhau, sau đó dàn nhạc Tây đánh đệm cho màn đấu kiếm.

Về cấu trúc cốt truyện tuồng thì Mộng Vân chú trọng tạo ra nhiều « mảng », « miếng » cho diễn viên có « đất ca và diễn », bất chấp lớp tuồng đó có logic hay là không.

Qua 20 năm hành nghề (1932 – 1952) soạn giả Mộng Vân đã soạn được 80 tuồng cho các gánh hát Tân Hý, Hậu Tấn - Năm Nghĩa, Hậu Tấn – Bảy Cao, Mộng Vân, Phát Thanh, Hương Hoa. Cứ qua mỗi vở hát là ông Mộng Vân sáng tác thêm năm, ba bài bản ngắn mới. Do đó, trước sau ông đã tạo thêm cho sân khấu cải lương hàng trăm bài bản ngắn mà giới bảo thủ không ưa, cho đó là những bản “ nhạc cà chĩa ”. Ông có hàng trăm môn đệ tôn sùng ông, một số trở thành Bầu gánh, học theo lối hát, lối soạn tuồng và dùng những bài bản nhỏ gác vọng cổ của ông như : Bảy Cao (gánh Hoa Sen), Năm Nghĩa (Thanh Minh) Ba Khuê (Hữu Tâm), Vân Sinh (Hương Hoa), Ba Tệt (Phát Thanh).

Điều đáng chú ý là Bảy Cao, môn đệ của soạn giả Mộng Vân đã thành công lớn trong lãnh vực tuồng chiến tranh cận đại mà chính Mộng Vân đã bị thất bại. Hoa Sen của Bảy Cao đã làm mưa làm gió trên sân khấu cải lương với các loại tuồng được mệnh danh là “ Cắc Bùm» như : *Đêm Lạnh Trong Tủ, Chiếc Áo Mùa Đông, Nợ Núi Sông, Đoàn Chim Sắt, Mộng Hòa Bình* . . . mang cả thiết giáp, xe tăng, máy bay lên sân khấu và chiếu ciné xen lẫn với lối ca diễn bình thường trong một lớp tuồng trên sân khấu.

Điều đáng lưu ý thứ hai là một người môn đệ khác của Mộng Vân, ông Năm Nghĩa, thành danh nhờ ca vọng cổ trong nhiều tuồng của Mộng Vân đã tích cực góp phần khai tử trường phái tuồng cải *Chiếc Lá Vàng, Cánh Buồm Đen, Xâu Chuối Ngọc, Long Hình quái khách* lương kiếm hiệp bằng cách phát triển loại tuồng cải lương tâm lý xã hội trên sân khấu Thanh Minh do ông làm chủ .

Soạn giả Mộng Vân bị bệnh lao phổi, mất năm 1952, an táng tại Bạc Liêu. Con trai duy nhứt của ông lấy bút danh là Mộng Vân Tử, anh giúp việc cho gánh hát Hương Hoa của bầu Vân Sinh. Mộng Vân Tử không sáng tác được mà chỉ lấy những vở tuồng cũ của ông Mộng Vân, bán đứt cho các gánh hát trung ban, mỗi vở lấy 5000 đồng để ăn xài.

Khi tôi giúp việc cho gánh hát Thanh Minh của bầu Nghĩa thì chị Mộng Vân có dịp lên Saigon, đến Hội i Hữu Nghệ Sĩ nhờ can thiệp với các bầu gánh hát đã hát tuồng của Mộng Vân, yêu cầu họ trả tiền bản quyền của chồng chị cho chị. Tôi và soạn giả Tám Cao đưa chị Mộng Vân đến các đoàn hát Tân Hương Hoa, Hoa Sen, Thanh Minh, Kim Thanh, những đoàn có hát tuồng của anh Mộng Vân (hoặc để y tựa cũ, hoặc thay tựa mới), nhưng các ông bầu gánh hát đưa ra các tờ hợp đồng bán đứt bản quyền của con trai bà là Mộng Vân Tử. Mộng Vân Tử lúc đó đã 26 tuổi có quyền thừa kế di sản của cha. Các anh Năm Nghĩa, Bảy Cao, Vân Sinh, Ba Khuê, Út Trà Ôn vì tình nghĩa « sư đồ » với anh Mộng Vân nên tặng cho chị Mộng Vân một số tiền để giúp chị trong cuộc sống. Chị Mộng Vân trở về quê ở Bạc Liêu, sau này chúng tôi không được tin tức của chị nữa. Mộng Vân Tử chết vì lao phổi năm 1957, tại nhà thương Chợ Rẫy, an táng nơi nghĩa trang Bình Hòa, Gia Định.

3. - Danh ca Bửu Cao, Soạn giả kiêm Bầu đoàn cải lương Hoa Sen, Vua sân khấu Cắc Bùm.

Nhắc đến nghệ sĩ danh ca Bửu Cao của những thập niên 1950, 1960, 1970, chỉ cần nói đến biệt danh Vua sân khấu Cắc Bùm, **đoàn Hoa Sen** là giới ái mộ sân khấu cải lương hình dung lại được hình ảnh huy hoàng của ông bầu Bửu Cao và đoàn hát Hoa Sen của ông.



Bạn BỬU CAO kịch-sĩ Bạc-Liêu
(Chủ-nhân kịch-đoàn HOA-SEN)

Thời đó, (1954) vừa dứt chiến tranh Việt Pháp, dân chúng Sài Gòn và các tỉnh đều mong muốn có hòa bình và mong hết có tiếng súng bắn giết nhau nên báo chí kịch trường chống đối loại tuồng chiến tranh của ông bầu Bửu Cao một cách rất gay gắt. Nhưng báo chí càng viết bài phê bình, chống đối, khán giả càng đổ xô nhau đi mua vé xem các tuồng chiến tranh *Nợ Núi Sông, Mộng Hòa Bình, Đoàn Chim Sắt, . . .* của đoàn hát Hoa Sen.

Danh tiếng của ông bầu kiêm nghệ sĩ danh ca Bửu Cao nổi bật trên vòm trời ca kịch cải lương. Anh Bửu Cao đề cao chủ trương “ lạ và tiến bộ “ để đối chọi với chủ trương sân

khấu “ đẹp và thật “ của anh Năm Châu.

Khoan hãy nói tới chuyện chủ trương nghệ thuật của ai đúng hay sai, trước mắt thì các nghệ sĩ đoàn cải lương Việt kịch Năm Châu, lương đêm khi thì lãnh đủ, khi thì lương đỡ-mi, khi thì chỉ lãnh tiền cà phê nghĩa là đào kép chánh thì lãnh lương đồng hạng 20 đồng, các kép phụ, công nhân, vũ nữ, vệ sĩ thì lãnh lương đồng hạng mỗi người mười đồng. Chỉ có một niềm tự an ủi mình là nghệ sĩ theo chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật.

Trong khi đó thì các nghệ sĩ **đoàn cải lương Hoa Sen** của ông bầu Bửu Cao thì lương rất là cao. Các anh Năm Phôi, Ba Khuê - Ái Hữu, Việt Hùng - Ngọc Nuôi, Tài Bửu Bửu, Cẩm Vân, cô My Lan, hề Văn Hường, soạn giả Trần Văn May, ông bà bầu Bửu Cao, Kim Luông đều có xe hơi riêng, có nhà riêng, có mướn được người ở giúp việc trong nhà.

Trong cuộc hội thảo “ hiện tượng Mộng Vân “, người soạn giả đã viết hơn 80 chục tuồng kiếm hiệp mà mỗi tuồng của Mộng Vân đều được hàng chục đoàn hát cùng dàn dựng và hơn hai chục năm qua, nhiều đoàn hát vẫn hát một thứ tuồng đó, anh Bửu Cao nói:

” Tuồng cải lương của đoàn Hoa Sen mà quý anh ký giả kịch trường gọi là tuồng Cắc Bùm, đó chỉ là tuồng xã hội cũng như các tuồng xã hội của gánh hát Việt Kịch Năm Châu, hay của ông Mộng Vân, cũng có những chuyện tình yêu, có chung tình, hy sinh, có phản bội, có âm mưu cướp đoạt tình yêu, tiền tài và danh vọng. Khác chăng là tôi

lồng chuyện tình cảm đó trong khung cảnh một xã hội có chiến tranh. Bối cảnh của chiến tranh Pháp Đức, hay Na Uy với Đức, hay chiến tranh Nhật Bản với Trung quốc. Các anh không chịu tiếng súng nổ, tiếng phi cơ, tiếng xe tăng trên sân khấu. Đó là quyền của các anh, nhưng việc tôi làm, tôi quan niệm là tìm cái mới, cái lạ về hình thức sân khấu. Ngày xưa tuồng Tiên, tuồng Phật, có hóa phép, có bay trên sân khấu, có điện xẹt. Trong trận Thiên La địa võng của Hải Triều bao vây Tôn Tản có điện chớp tứ giăng, pháo nổ như súng máy xung trận trong tuồng của tôi, các anh đã khen không ngớt lời, chớ không chê trách như trách tôi bây giờ. Phía điện ảnh, phim nhập cảng cũng chiếu nhiều phim về chiến tranh thế giới lần thứ hai, cũng súng nổ, bom rơi, cũng xe tăng, máy bay, sao không thấy có ký giả nào phản đối. “ Các ký giả thấy anh Bảy Cao trần tình có lý có tình, không ai nói gì thêm và làn sóng phản đối bằng những bài phê bình cũng thưa thớt và chấm dứt một cách âm thầm.

Sân khấu cải lương trải qua nhiều thời kỳ cải cách, đã thay lối đánh đao, thương kiểu hát bội thành lối đánh võ thiết, có gươm giáo, đao kiếm bằng sắt thép thiết. Sau đó đổi qua lối đánh poignard, nhảy cửa sổ, cũng rất là nguy hiểm. Thời kỳ hát tuồng Tiên, tuồng Phật thì có bay ngang sân khấu, có hóa phép, sét đánh bằng cách dùng điện xẹt. Thăng thiên, độn thổ hay quảng bửu bối lên trời cũng có pháo nổ giống như bắn súng. Qua đến thời kỳ hát tuồng Tây, (ba người ngự lâm pháo thủ), đánh gươm escrimes, nghệ sĩ mang giầy điện trong người, chuyển vào thanh gươm, khi hai bên chạm gươm nhau, rút một cái rẹt là điện chớp sáng giới. Kiểu đánh gươm tóe lửa còn nguy hiểm hơn kiểu chiến tranh bắn súng bằng pháo nổ của sân khấu Hoa Sen.

Anh Bảy Cao sáng tác các tuồng *Đêm Lạnh Trong Tủ, Mộng Hòa Bình, Người Tình Trên Chiến Trận*. Những kỹ thuật mà anh Bảy Cao đưa vào sân khấu tuồng chiến tranh là anh cho chuyên viên trong đoàn của anh, làm những cây súng bằng cây, hình thức giống y như súng thiết, bên trong có để nhiều ngòi pháo, khi bóp cò, điện pin để sẵn trong bá súng sẽ làm cho ngòi pháo nổ, lửa tóe lên ngay họng súng như bắn súng thiết. Cảnh lính nhảy dù trong đêm khuya thì sát phong trắng, giăng nhiều đường giầy bằng thép nhỏ ngang qua sân khấu, bên trong để theo mỗi đường giầy một chiếc phi cơ bằng carton, sau phi cơ có cột theo nhiều hình lính bằng chì, mỗi hình lính có mang dù. khi kéo ngang qua sân khấu, đến giữa sân khấu, vướng móc, lính nhảy dù rớt xuống. Sát phong trong, một cây quạt lớn thổi mạnh, làm cho dù bung lên và bay như người nhảy dù thiết. Nhạc đệm và tiếng phi cơ rừ rừ âm ì trên không trung giúp tạo thêm ảo giác cho khán giả.

Đoàn hát Hoa Sen của bầu Bảy Cao lại cải tiến kỹ thuật, đưa vào tuồng *Mộng Hòa Bình* những đoạn phim quay cảnh chiến trận, có chiến hào, đồi núi, có những cảnh hàng năm ba chục lính xung phong, đánh xáp lá cà. Những cảnh quay phim này, ông Bảy Cao mượn chuyên viên quay phim của hãng Alpha film quay, ngoài những diễn viên của đoàn, ông mượn thêm một số lính công an xung phong của Bình Xuyên, có

súng thiết nên hình ảnh chiến tranh càng có vẻ như thật chứ không phải giả như trên sân khấu. Về việc chiếu phim trên sân khấu xen kẽ với tuồng cải lương đang diễn, ông Bảy Cao phải mua máy chiếu phim có ống kính phóng màn ảnh rộng (panorama), đặt máy trong hậu trường sân khấu, chiếu vào một tấm kiếng thật lớn để kiếng rọi ngược ra sân khấu. Bằng cách này, hình ảnh của phim dù được chiếu trong một cự ly gần nhưng vẫn được phóng lớn, lấp kín phòng trong mà không vướng hình của diễn viên đang diễn ở tiền đài sân khấu.

Về địa điểm quay phim (hồi đó chưa dùng tiếng phim trường) thì anh Bảy Cao có một khu vườn rộng ba mẫu tây ở Phú Lâm, làm vườn hoa Bảy Cao. Cửa vào và hàng rào bằng sắt, vườn có đào ao nuôi hoa sen và bông súng, có cầu ván cong cong bắt qua con lạch nhỏ như cây cầu trong Sở thú, sơn màu đỏ. Vào trong, có khu nhà ở, nhà mát, nhà lục giác và nhiều khoảng trồng bông, có nơi đào mương như chiến hào. Có xây cất vài ngôi nhà theo kiểu nhà Tây, dùng làm cảnh để quay phim. Những khi cần cảnh rượt đuổi xe trên vùng đồi núi thì đoàn Hoa Sen đi Đà Lạt quay phim lấy ngoại cảnh. Những cảnh diễn ở vườn hoa hay trước căn nhà thì quay cảnh dàn dựng trong vườn của Bảy Cao ở Phú Lâm.

Một hình thức lạ thứ hai được áp dụng trong tuồng Mộng Hòa Bình trên sân khấu Hoa Sen là cảnh sân khấu quay. Sân khấu rạp Nguyễn Văn Hảo được lắp thêm một sân khấu giả, hình tròn, khổ lớn bằng chiều sâu của sân khấu thật. Trên sân khấu giả đó, Bảy Cao cho dàn hai cảnh khác nhau, khi đổi cảnh thì nhơn viên hậu đài đẩy cho sân khấu quay qua cảnh thứ hai mà không tắt đèn sân khấu để khán giả thấy là sân khấu quay. Vì tôi có đưa tuồng Lửa Hờn của tôi sáng tác để Bảy Cao hát trên sân khấu Hoa Sen nên tôi thường vào hậu trường đoàn Hoa Sen bàn bạc chuyện dàn dựng với anh Bảy Cao, quan sát các kỹ thuật sân khấu mới của anh Bảy Cao để áp dụng trong tuồng của tôi nên tôi rõ mọi chi tiết kỹ thuật sân khấu của đoàn Hoa Sen. Vì lắp một sân khấu quay trên sân khấu thật, kích thước lớn bằng sân khấu của rạp Nguyễn Văn Hảo nên ở Sài Gòn Chợ Lớn, Gia Định, chỉ có rạp Nguyễn Văn Hảo, rạp Hào Huê, rạp Thủ Đô, rạp Cao Đồng Hưng là dùng được sân khấu quay. Các rạp khác nhỏ hơn như rạp Đại Đồng, rạp Long Vân, rạp Cây Gõ. . . đều không lắp ráp được sân khấu quay đó. Có một lần hát ở rạp Nguyễn Văn Hảo, cảnh trí bị đổ xuống khi quay làm bể đầu cô đào Ái Hữu, máu phun ướt mặt, nên sau đó Bảy Cao dẹp cái sân khấu quay không dùng nữa.

Khoảng năm 1960, khán giả không thích coi hát loại tuồng chiến tranh có bắn súng, liệng bom kiểu đoàn hát Hoa Sen nữa mà thích coi loại tuồng dã sử, lịch sử của các đoàn hát Thanh Minh, Kim Thanh, Kim Chưởng, nên đoàn hát Hoa Sen mất khách, sa sút trầm trọng. Nghệ sĩ Ba Khuê, Ái Hữu kéo các nghệ sĩ Năm Phôi, Mỹ Lan, Văn Khoe và soạn giả Bạch Diệp Minh Nguyên, tách riêng ra khỏi đoàn Hoa Sen, thành lập đoàn ca kịch Hữu Tâm. Đoàn hát Hoa Sen lưu diễn ở các tỉnh miền Trung rồi chuyển lần xuống Hậu Giang.

Năm 1965, vì không thể diễn các tuồng dã sử, xã hội nên đoàn hát Hoa Sen rẽ gánh tại Bãi Xàu, tỉnh Sóc Trăng. Ông bầu Bảy Cao bán vườn hoa Phú Lâm, về sống tạm ở nhà người cháu ở bến Nguyễn Duy, Quận 8, Sài Gòn.

Bảy Cao kể chuyện học ca Dạ Cổ Hoài Lang:

Khi anh Bảy Cao rút về ẩn cư ở bến Nguyễn Duy, quận 8, tôi và anh Kiên Giang thỉnh thoảng có đến thăm anh, hàn huyên tâm sự, hoặc nhậu lai rai, hoặc hỏi những chuyện xa xưa trong giới nghệ sĩ tiền phong. Qua những cuộc trò chuyện đó, anh Bảy Cao cảm thấy được an ủi vì các soạn giả đàn em còn tôn trọng và đến viếng thăm anh, vì vậy anh cao hứng, kể cho chúng tôi nghe những chuyện vui buồn khi anh mới khởi nghiệp cầm ca.

Anh **Bảy Cao**, tên thật là Lê Văn Cao, sanh năm 1923, con của ông Lê Văn Đại, thợ hàng mã nổi tiếng nhất ở xóm Hàng Cóc, tỉnh Bạc Liêu.

Tôi hỏi:

Anh Bảy, anh có còn nhớ cái thời thơ ấu, lúc anh mới bắt đầu học ca, học hát. Anh có thể kể lại cho tui tui nghe không?

Nghệ sĩ Bảy Cao bèn mời chúng tôi cùng đi về Xóm Hàng Cóc, Bạc Liêu theo dòng ký ức của anh. Bảy Cao kể:

“ Hồi đó, nhà ba tôi thường thức khuya để làm đồ mã cho khách hàng. Muốn thức khuya thì phải có đờn ca, mà muốn đờn ca cho hứng khởi thì nhứt định phải có rượu đế và mỗi nhậu cho ngon. Lúc đó thì tôi mới có bảy tuổi, tôi được ba tôi trao cho phần việc là đi mua rượu, hoặc đâm muối ớt cho các chú đờn ca ăn trái cóc, trái ổi. Có khi má tôi nấu cháo gà xé phay thì phần việc của tôi là dọn chén, dọn tô. Những công chuyện lật vật đó khiến cho tôi có dịp đứng xó rờ gần chỗ đờn ca, tôi nghe ca, nghe đờn miết rồi đâm ra mê lúc nào không biết nữa.

Lúc đó thì chú Sáu Cao Văn Lầu đi làm sa di (tức vô chùa tu) ở chùa Vĩnh Phước cách nhà tôi độ 50 thước. Nhóm đờn ca trong nhà thợ mã Lê Văn Đại (tức ba tôi), có các chú nhạc sĩ Bảy Kiên, Sư Thiện Tâm, chú Ký Tồn, anh Tư Thắng, nhạc sĩ Tư Nhỏ, anh Lê Minh Cang tức anh chín Cang, vừa là nhạc sĩ vừa là ca sĩ của nhóm. Sư Thiện Tâm biết đờn ca trước khi xuống tóc quy y, nên những khi trong xóm có đờn ca tài tử thì Sư cũng đến góp tiếng đờn, tiếng ca. Lúc đó hai bản Tứ Đại Oán và Hành Vân là hai bài ca được nhiều người ưa thích.

Kiên Giang hỏi:

Trong mấy người ca sĩ và nhạc sĩ mà anh Bảy vừa kể thì ai là người dạy anh Bảy ca?

“ Chú Sáu Cao Văn Lầu dạy tôi ca bài Dạ Cổ Hoài Lang “ Anh Bảy Cao nhắc tới ông Sáu Lầu, mắt nhìn xa xăm như để hồi tưởng lại một thời thơ ấu đã qua. . . “ Phải nói là có cơ duyên tôi mới được chính người cha để ra bản Dạ Cổ Hoài Lang dạy cho tôi ca . Như đã nói chú Sáu Lầu đi tu trong chùa Vĩnh Phước, nhưng năm bữa, nửa tháng là ông đến nhà Ba tôi, đến vào lúc chiều sụp tối, ở lại một đêm rồi hừng đông, thiệt là sáng sớm, chú Sáu trở về chùa Vĩnh Phước. “

Tôi bật cười:

” Anh Bảy kể chuyện như chuyện kiếm hiệp của Kim Dung, anh là Quách Tĩnh còn chú Sáu Lầu đêm đêm đến dạy ca, như lão đạo Khưu Xứ Cơ, Toàn Chân Giáo, đêm đêm đến dạy võ công, sáng ra đi mất “

“ Chuyện không ly kỳ vậy đâu. Anh Bảy Cao kể tiếp:

Nguyên do là vậy, hồi đó chú Sáu Lầu bị cha mẹ ruột buộc ổng phải bỏ vợ vì chú Sáu Lầu cưới thím Sáu về, ba năm rồi không có sanh con. Người xưa có câu Tam Niên Vô Tử Bất Thành Thê. Ba năm chồng vợ ăn ở với nhau mà không con thì không còn là vợ chồng nữa. Thêm vào đó quan niệm Bất Hiếu Hữu Tam, Vô Hậu Vi Đại. . Tội không có con là tội bất hiếu lớn nhất. Chú Sáu Lầu vì chữ hiếu, phải xa vợ, nhưng chú cũng yên thương vợ, đâu có thể nói bỏ là bỏ được. Bởi vậy chú gởi thím Sáu ở đậu trong chái nhà của Ba tôi trở thành điểm hẹn hò, kết nối mối tình dang dở của chú Sáu Lầu.

Chú Sáu là người con có hiếu nhưng việc cưới vợ khác để kiếm con nối dõi theo ý của cha mẹ chú thì chú cứ hẹn lần nữa, vì chú quá thương thím Sáu, không nỡ để thím Sáu đứt ruột đứt gan vì phải sống xa chồng. Mỗi ngày má tôi nấu cơm cho hai vợ chồng chú Sáu, tôi dọn cơm và thu dọn chén đĩa sau đó. Tôi thấy chú thím nói chuyện với nhau, thím khóc thì chú lấy cây đèn kim đèn, thím nghe một hồi là im không khóc nữa. Tôi nghe đèn, tôi lẩn quẩn đứng đó. Chú Sáu thấy vậy mới hỏi tôi:

Mày muốn học ca, học đèn không. Tôi mừng quýnh, nói chú dạy, tôi học liền.

Vì việc dạy tôi học đèn, học ca, chú Sáu Lầu tới nhà tôi thường hơn, không sợ lời người ngoài dị nghị nên có khi ở lại đôi ba ngày. Thím Sáu cũng biết dấn đồ mã nên giúp việc cho ba tôi. Có lẽ trời thương không nỡ bắt hai vợ chồng chú Sáu chia ly hoài nên chú Sáu nhiều lần đến thăm vợ như thăm bấy thì thím Sáu ốm nghén. Vợ chồng thím Sáu cho ba má tôi hay tin này, ba tôi nói:

Được rồi, để tao đi nói với ba má mày, rước vợ mày về bên nhà như hồi mới cưới. Chú Thím Sáu mừng như đang khát gặp mưa rào.

Cũng nhờ chuyện chú Sáu tới thăm thím Sáu thường mà tôi học được bài ca Dạ Cổ Hoài Lang. học ba Nam, Sáu Bắc, tôi học đèn kim nữa. Thím Sáu có mang đứa con trai đầu lòng, sanh ra đặt tên là Thiết (lấy ý là tình keo sơn thiết thạch, tức là tình yêu gắn bó như sắt, đá. Nhưng sau 1945, anh Thiết theo kháng chiến, đổi tên thay vì Cao Văn Thiết, lấy tên là Cao Kiến Thiết cho nó hợp thời). Sau đó thím Sáu đẻ một vọt sáu, bảy mặt con!

Từ ngày thím Sáu có thai, chú Sáu không ở trong chùa Vĩnh Phước nữa. Chú tới nhà ba tôi, phụ việc bông hình, dấn đồ mã và tham dự hội đèn ca tài tử tại nhà ba tôi. Nhờ vậy mà tôi được chú Sáu dạy ca dạy đèn thuần thực hơn trước. Bà con ở các xóm công xi rượu Mậu Thắng Hưng, Xóm kinh Tư Muối, đều kéo qua Xóm Hàng Cóc để nghe đèn ca, nhất là nghe thằng nhỏ bảy tuổi ca Dạ Cổ Hoài Lang. Hồi đó tôi được nổi tiếng dữ lắm, các xóm khác ở chung làng hay cách làng một con sông, vài cánh đồng cũng tới mời nhóm ca tài tử của Ba tôi tới đèn ca. Họ thường tiền chung cho cả nhóm mà cũng thưởng riêng cho chú nhỏ bảy tuổi biết ca đủ bài bản, nhất là bài Dạ Cổ Hoài Lang. Vì

vậy, tuy tôi còn nhỏ nhưng cũng có tiền gởi cho má tôi vài đồng bạc. (Hồi đó có một đồng bạc là khá giả lắm vì đó là cái thời mà người ta còn xài từ đồng xu, đồng nửa xu).

Tôi nói:

Chuyện anh đi học ca, đúng là có cơ duyên đặc biệt. Rồi tới mấy tuổi anh mới trở thành tài tử Bạc Liêu, nổi tiếng đồng thời với tài tử Năm Nghĩa?

Tôi học ca, ca tài tử trong nhóm của Ba tôi tổ chức, đó là đờn ca mỗi khi có dịp lễ hội kỳ yên, hay khi trăng sáng, làng xóm làm ăn trúng mùa lúa, mùa rẫy, chớ đâu có phải đêm nào cũng đi đờn ca. Ba tôi bắt tôi đi học chữ, tôi đậu bằng Tiểu Học Sơ Cấp (CEPCI), rồi đi tỉnh Cần Thơ học Trung Học thêm mấy năm, rồi trở về làng, đi dạy học trường làng, mỗi tháng lương được 12 đồng.

Má tôi biểu tôi cưới vợ, tôi thấy lương thầy giáo làng mỗi tháng 12 đồng, để dành biết tới bao giờ mới đủ tiền cưới vợ, nuôi vợ. Ba tôi nói Phi Thương Bất Phú, không đi mua bán thì không thể làm giàu được. Tôi bèn xin nghỉ dạy học, đi buôn muối với anh Hai tôi. Vì chuyện này mà Ba Má tôi giận nhau. Má tôi muốn tôi làm thầy giáo, dù ít tiền thì cũng có danh dự. Ba tôi nói muốn làm giàu thì phải làm thương mại. Nhân dịp anh tôi xưa nay chuyên nghề bán muối, đi ghe muối, tôi theo học mua bán để nhân dịp đi đó đi đây. Hồi đó tôi hai mươi tuổi rồi, nhưng nhỏ con, trắng trẻo, coi hình tướng cũng được lắm!

Kiên Giang hỏi:

Chắc là anh đi ghe muối, gặp gánh hát nào rồi anh theo hát chứ gì. . .

Bảy Cao cười:

Đừng có nóng, để tôi nói lần lần cho mà nghe. Kiên Giang, anh ở Rạch Giá miền Tây, chắc biết là mùa khô, sông rạch rất cạn, nứt là nước ròng sát. Mùa khô năm đó, tôi theo ghe muối của anh Hai tôi, gặp cơn nước ròng, ghe muối chở khẳm khác nào con trâu nằm vũng. Hai anh em tôi nhảy xuống lạch, đẩy hết sức mà chiếc ghe cứ nằm ì. Lúc đó, một chiếc ghe bốn chèo phía sau đi tới, bị ghe muối cản mũi nên dừng lại. Tôi nghe ai đó la lên:

Ê! ghe thuyền nào dám cản đầu ghe ông chủ, coi chừng bị còng đầu bây giờ.

Anh Hai tôi dạ rân rồi biểu tôi cùng nhảy xuống lạch, kê vai đẩy lấn ghe muối qua một bên. Khi chiếc ghe lồng rướn tới thì có một ông mặc áo dài the, đứng trên ghe, thấy cây đòn kìm treo trong ghe muối, ông hách dịch hỏi:

Đ. M. Thằng nào đòn. . . Bộ bây biết đòn hả.

Dạ, biết. Tôi biết đòn.

Thằng nào ca. . .

Dạ tôi ca, tôi đòn, tôi ca luôn. . .

Thiệt hả. Vậy thì tốt. Tối nay có đám làm tuần ở nhà tao, tụi bây lên đờn ca chơi, tao sẽ cho trâu ra đây “ nẹt “ ghe tụi bây. Tụi bây cứ hỏi nhà ông chủ Sanh.

Anh Hai tôi dạ rằng. Ghe ông chủ Sanh đi khuất cái vịnh rồi mà anh Hai tôi còn cười tùm tùm. Tôi nói:

Đờn ca là tui ca tui đờn. Anh dạ hứa ầu vậy, rủi mình không tới đó đờn ca được thì đâu có yên với ông chủ Sanh.

Anh tôi cười, nói:

Cái thằng mây sao tới dạ quá. Ông chủ Sanh nói cho trâu tới net ghe mình ra khỏi cạn, nếu được vậy thì khỏi sợ ghe vô nước, chìm, hư muối. Đờn ca mà khỏi hư hao tài sản thì phải dạ liền cho ổng mau mau cho trâu tới giúp mình chớ.

Anh tôi nói vừa dứt câu thì thấy bốn năm người nhà của ông chủ, dẫn trâu tới, kéo ghe muối của anh tôi khỏi chỗ mắc cạn, lại còn kéo ghe muối về đậu trước bến nhà ông chủ Sanh.

Đêm đó, ông chủ cũng có rước một ban đờn ca tài tử ở Xóm Vịnh tới, có đờm kìm, đờn gáo, đờn tranh và hai ca sĩ, một nam, một nữ. Họ ca trước, khởi đầu mấy bản Lưu, Bình, Kim, (Lưu Thủy, Bình Bán, Kim Tiền Huế) Tới tôi, tôi vừa đờn vừa ca một bài Tứ Đại Oán, kế tôi làm luôn một bài Dạ Cổ Hoài Lang, sau đó, tôi đờn ca rất hứng khởi, biết bao nhiêu bài hay, tôi ca hết, ca nghe mùi rệu, ngọt xót.

Hồi chiều vừa tới bến, ông chủ cho một bộ áo quần bà ba bằng vải ú, cho tôi thay. Rồi cho ăn cơm, lại cho hai đồng bạc dẫn túi, bởi vậy tôi quyết trở tài. Đêm làm tuần ở nhà ông chủ Sanh có nhiều bà con hàng xóm, tá điền của ông cũng nhiều, họ nghe ca hát, vỗ tay hoan hô, khen ông chủ đi rước đám đờn ca này nghe còn hay hơn mấy đám năm rồi. Ông chủ nghe nở mặt nở mày. Đám đờn ca tài tử ở Xóm Vịnh ậm ờ, làm như tôi thuộc về nhóm của họ.

Sáng hôm sau, ông biểu tui tui ở đờn ca chơi thêm vài bữa. Anh Hai tôi tỏ vẻ do dự vì kẹt ghe muối chưa bán được. Ông hỏi muối bán bao nhiêu một gia Anh tôi nói giá một đồng hai. Ông nói trả cho anh hai tôi một đồng tám một gia, mua mả hết ghe với điều kiện là tui tui phải ở đó đờn ca chơi thêm ba ngày nữa. Anh Hai tôi mừng quá, nhận lời liền; còn tôi thì khỏi nói, nếu ở đờn ca chơi cả tháng, tôi cũng chẳng có từ. Ông chủ cũng giữ đám ca tài tử Xóm Vịnh lại để đờn ca xen kẽ, cho tôi nghỉ lấy hơi, chớ một mình tôi ca từ đầu hôm tới khuya, chắc là sẽ bị banh cổ họng. . . Ông mời ông phó Quận, ban chức sắc Hội Tề với vài ông điền chủ tới ăn nhậu, đánh tứ sắc và nghe “bọn trẻ nhà ông ca “. Đêm đó và đêm sau nữa, tôi ca như hốt hồn của mấy người quan khách. Ban đầu thì còn ăn nhậu, nói chuyện ồn ào, khuya khuya một chút là họ ngồi quanh bên nhóm ca tài tử để nghe ca nghe hát. Tôi ca dứt một bản, họ thưởng tiền, rồi biểu ca thêm bản khác. Anh Hai tôi ngồi lượm tiền như lấy râu tôm. Hát một bài là anh đi lượm bạc cắc. Vậy cho tới khi trời sáng trắng lúc nào không biết, mọi người ra về, cái đám đờn ca tui tui nằm khoanh dưới đất mà ngủ một cách ngon lành.

Chuyến ghe muối đó anh Hai tôi lời hơn ba chục đồng. Sau khi trả tiền sòng phẳng, ông chủ dặn:

Tuần sau, tui bây chớ tới cho tao một ghe muối nữa, nhưng cũng phải ở lại chơi ba ngày. Tui bây rước nhóm tài tử ở xóm của tui bây theo ca, tao trả tiền cho nhóm tài tử đó.

Anh Hai tôi dạ liền miệng. Chèo ghe không theo con nước lớn xuôi về bến nhà, anh em tôi thấy lòng phơi phới như buồm gặp gió. Tưởng ghe mắc cạn là tiêu tòng vốn liếng, không ngờ gặp ông thần tài, vừa bán hết muối, lời gấp đôi mà còn gầy được tiếng vang

tốt nhờ giọng ca tiếng đồn của tôi. Về nhà nghỉ mới có một ngày, anh Hai tôi gấp gấp xuống muối, rồi mời ban ca tài tử của chú Bảy Kiên, anh chín Cang, nhạc sĩ Tư Nhỏ và nữ ca sĩ cô tư Kiệm cùng đi, lần này tính hốt bạc ngon hơn.

Lần thứ hai trở lại thì ông chủ đi vắng, có lẽ ông đi Sài Gòn. Tôi mới nhớ ổng biểu tuần sau chở muối tới, mới có hai ngày, chúng tôi tới, tự nhiên là không được gặp ông chủ. Không lẽ neo ghe chờ năm ngày nữa sao. Lỡ gặp cơn mưa to gió lớn thì muối tan thành nước hết. Lỡ rồi, tuy không mắc cạ nhưng cũng trôi lênh bênh. Anh Hai biểu chèo tới xóm khác, gặp giá nào bán giá này, cho hết ghe muối để trở về ăn Tết. Chèo tới chiều, ghé lại nấu cơm ăn, ăn rồi tôi và anh Tư Nhỏ thả bộ vô xóm ven sông, tôi bỗng nghe văng vẳng tiếng đồn phía trước. Anh Tư Nhỏ biểu đi tới kiểm. . . Men theo tiếng đồn, chúng tôi gặp một nhóm người đang tập đồn ca. Lúc đó tôi đang mặc quần xà lỏn, áo cụt tay, đi chân không. Anh Tư Nhỏ cũng ăn mặc không khá gì hơn tôi, hai người chúng tôi giống như hai tá điền bị chủ điền thu hết lúc ruộng nên mặt mày bí xị. Thấy chúng tôi đứng chú ý nghe đồn ca, một người lớn trong bọn họ, hỏi:

Sao, có biết đồn ca không, biết thì nhào vô làm vài bản nghe chơi, đừng chi đó giống như thằng thua bài cào cháy túi vậy.

Tôi thấy trúng tử, mở lời:

Dạ cũng biết đồn ca chút đỉnh, nghe mấy chu, ' mấy anh đồn, phát ham, nên nghe lén thôi

Vậy thì vô. Đồng điệu rồi. . . Sáu, mầy đưa đồn kìm cho chú nhỏ này dạo sơ sơ coi.

Anh bạn được gọi là Sáu, đưa cây đồn kìm cho tôi. Tôi so dây, tôi rao mùi một đoạn, rồi chuyển dây oán, tôi vừa đồn vừa ca một bài Tứ Đại Oán. Sẵn đang buồn rầu trong bụng, không biết ngày mai có bán được ghe muối hay sẽ bị một trận mưa tiêu tan hết vốn liếng, tiếng ca của tôi nghe thật là ai oán. Mấy người học đồn ca đó khen qua, hỏi tôi biết bản Dạ Cổ Hoài Lang không. Tôi làm luôn một bài Dạ Cổ, sau đó ca thêm nhiều bài bản khác. Anh Tư Nhỏ cũng ngửa nghề, cầm lấy cây đồn cò hòa theo. Lát sau, anh đồn tranh, rồi đồn kìm. . . thiệt là thập bát ban võ nghệ, thứ nào đồn cũng hay. Chơi tới khuya mới nghỉ, ông chủ hỏi chúng tôi ở đâu, làm gì đi tới đây. Sau khi nghe chúng tôi kể chuyện, chú nói:

Ồ đây, người ta kêu tôi là ông Năm Học. Tôi cũng có điền đất mà lại thích đồn ca. Vậy tôi mời mấy chú ở lại chơi vài ngày, phí tổn của mấy chú bao nhiêu, tôi bao hết.

Anh Tư Nhỏ nói bị kẹt ghe muối. Ông Năm Học biết ông chủ Sanh trả cho chúng tôi một đồng tám một giá, ông trả hai đồng và cũng mua mảo hết ghe. Tôi mừng quá, chạy ù xuống bến kêu anh Hai tôi lên. Vậy là ở đó đồn ca thêm ba ngày. Sau này, anh Hai Đức là con của ông Năm Học lập gánh hát lấy tên là Thanh Niên Đồng Đức thì ảnh mời tôi làm kép chánh.

Kiên Giang:

Vậy ra không phải là anh xuất thân từ gánh hát Mộng Vân sao.

Bảy Cao:

Anh Mộng Vân cũng là người bản xứ, ở Bạc Liêu, học đồn với ông Ba Chột. Khi anh lập gánh hát thì kêu tôi với anh Năm Nghĩa về hát cho gánh Mộng Vân. Sau đó, tôi

được cậu Ba Tấn ra tiền lập gánh Hậu Tấn – Bảy Cao, còn anh Năm Nghĩa thì lập gánh Hậu Tấn – Năm Nghĩa. Tôi với anh Năm Nghĩa nổi danh nhờ ở gánh Mộng Vân. Sau khi Hậu Tấn – Bảy Cao rã, tôi mới lập đoàn Hoa Sen. Còn Hậu Tấn – Năm Nghĩa rã, ảnh lập đoàn Thanh Minh.

Tôi nói:

Anh Bảy bây giờ anh không còn theo đoàn hát nữa, anh nghĩ sao về cái thời huy hoàng đã qua của anh và của đoàn Hoa Sen.

Bảy Cao rót ly rượu, uống, trầm ngâm một lúc lâu rồi nói:

Tôi ngâm cho hai anh nghe bốn câu thơ, lâu quá tôi không nhớ tên tác giả, tôi nhớ thơ là vì nó giống như tâm trạng của tôi. . . Và có lẽ cũng đúng với tâm trạng của Nguyễn Phương và Kiên Giang, tâm trạng của những người nghệ sĩ sân khấu chúng ta:

Buông tấm màn nhung, danh vọng hết

Người về lòng rữ sạch tình thương!

Người vào cởi áo, lau son phấn

Trả cả vinh hoa lẫn đoạn trường.

Sau năm 75, anh Bảy Cao có theo đoàn cải lương Cao Văn Lầu ở tỉnh Bạc Liêu, vài năm để truyền đạt kinh nghiệm ca diễn của anh cho đàn em cháu, nhưng dưới chế độ mới, quyền là ở cán bộ, hồng hơn chuyên, nên những cái gì hay về cổ nhạc xưa của anh được xếp vào dĩ vãng, những bài bản lớn được thay vào bằng những bài Lý như Lý Con Khỉ, Lý Cây Khế, Lý Cái Mơn, Lý Bông Trang . . . vân. . . vân, nên Bảy Cao rút lui về Vĩnh Long, ở giữ hai đứa cháu ngoại, khi buồn, hát ru em cho qua ngày đoạn tháng.

Chị Kim Luông, vợ Bảy Cao, sau 75, đi đoàn cải lương Bông Hồng Vàng, tỉnh Cửu Long, không có vai tuồng thích hợp, được phân công làm từ, đốt nhang bàn thờ Tổ (năm 1984). Chị Kim Luông và anh Bảy Cao có lẽ đã gặp lại nhau trên Thiên Đình, không biết là từ lúc nào, vì lâu lắm rồi, không nghe ai nhắc đến hai anh chị nữa.

Bây giờ ở xứ người, khi hồi tưởng lại một thời tôi sống nổi trôi theo các đoàn hát, tôi rất vui khi viết lại được một vài chuyện vui buồn, cuộc đời đi hát và những trường hợp lập nghiệp của các nghệ sĩ đàn anh. Tôi mong từng chuyện tôi viết về các nghệ sĩ tiền phong, các nghệ sĩ đàn anh, sẽ lần hồi đầy đủ các vị mà tôi quen biết để góp phần vinh danh những nghệ sĩ đã dùng cả cuộc đời mình để xây dựng một nền ca kịch đầy bản sắc của dân tộc của người dân miền Nam Việt Nam.